- **Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**
- **Tên tiếng Anh: SAIGON GARMENT MANUFACTURING TRADE JOINT STOCK COMPANY**
- **Tên viết tắt: GARMEX SAIGON JS CO.**
- **Biểu tượng (LOGO):**
- **Vốn điều lệ (báo cáo tài chính kiểm toán 2012): 88,685,710,000 VNĐ *(Tám mươi tám tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm mười ngàn đồng)*.**
- **Vốn điều lệ thời điểm hiện tại: 106.324.310.000 VNĐ *(Một trăm lẻ sáu tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng)*.**
- **Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh**
- **Số điện thoại: (08) 3984 4822**
- **Số fax: (08) 3984 4746**
- **Website: http://www.garmexsaigon-gmc.com**
- **Mã cổ phiếu: GMC**

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn với nền kinh tế nói chung và ngành dệt may nói riêng. Thị trường Châu Âu thu hẹp, giá cả nguyên phụ liệu đầu vào tăng cao, đồng Euro mất giá là những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng sụt giảm doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành. Tuy nhiên, nhờ chủ động trong công tác dự báo tình hình cũng như xây dựng các giải pháp linh hoạt nên Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn đã đạt được những kết quả nhất định.

Với chiến lược tập trung vào các nguồn lực cốt lõi, cùng với đó là sự hỗ trợ, hợp tác của các đối tác, khách hàng chiến lược đã giúp GMC đạt được một số kết quả đáng khích lệ trong năm 2012. Doanh thu thuần đạt 1,059 tỷ đồng, tăng 22.33% so với năm 2011; Lợi nhuận sau thuế đạt mức 52 tỷ đồng, vượt 20.37% so với cùng kỳ năm trước.

Dựa trên kết quả kinh doanh này, Ban lãnh đạo Công ty lấy đó làm tiền đề xây dựng chủ trương, kế hoạch phát triển trong năm 2013 và thời gian sắp tới. Cùng với kế hoạch Tái cơ cấu lần II cũng như chiến lược phát triển tăng tốc trong giai đoạn 2014 – 2018, GMC hứa hẹn sẽ thích nghi trọn vẹn với tình hình kinh tế, giảm thiểu rủi ro, nắm bắt thời cơ và thu về kết quả sản xuất kinh doanh mỹ mãn trong giai đoạn sắp tới.

Nhận định năm 2013 vẫn là một năm đầy khó khăn và có nhiều diễn biến bất thường, chúng tôi luôn trong tư thế sẵn sàng đương đầu khó khăn, hoạch định và chuẩn bị kỹ lưỡng trong mọi tình huống diễn biến thị trường, lập thành tích kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa Công ty. Chỉ tiêu kế hoạch phấn đấu năm 2013 tổng doanh thu đạt 1,100 tỷ đồng, tương ứng 101.79% kết quả cùng kỳ năm 2012; Lợi nhuận trước thuế đạt ngưỡng 62 tỷ đồng, cao hơn kết quả 2012 0.86%.

Chúng tôi xin gởi lời cảm ơn chân thành, cũng như những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, hi vọng GMC sẽ luôn nhận được sự quan tâm và tin tưởng từ phía Quý cổ đông.

Trân trọng

Ông Lê Quang Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

MỤC LỤC

I/ Thông tin chung

- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- Mục tiêu và Định hướng
- Rủi ro

II/ Tình hình hoạt động trong năm

- Tình hình sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, vốn chủ sở hữu

III/ Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2012
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

IV/ Đánh giá của Hội đồng quản trị

- Các mặt hoạt động
- Hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch của Hội đồng quản trị

V/ Quản trị công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKS

VI/ Báo cáo tài chính

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính hợp nhất

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

RỦI RO

Quá trình hình thành và phát triển

1976

- Liên hiệp Xí nghiệp May TP HCM (khởi đầu là một doanh nghiệp quốc doanh)

1993

- Thành lập Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu May Sài Gòn (Garmex Saigon)

2004

- Chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần (trong đó có 10% là vốn Nhà Nước) từ ngày 07/01/2004

2005

- Công ty mua lại phần vốn góp trị giá 500.000 USD của đối tác Learder' 2000 Limited – Hong Kong trong Công ty Liên doanh HONGARMEX, bao gồm 01 xưởng may và 01 xưởng giặt theo Quyết định số 3718/QĐ-UBND ngày 28/7/2005 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Công ty thành lập Xí nghiệp may Tân Phú và Xí nghiệp giặt Bình Chánh trực thuộc Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại May Sài Gòn.

- Góp vốn với 03 Công ty khác là Công ty TNHH Nhựa Nam Á, Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Đăng Nguyên, Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Cách Kiệm để thành lập Công ty cổ phần Phú Mỹ đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch 1 tại xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, GMC chiếm 32.47% vốn điều lệ.

- Công ty được Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chuyển đổi mục đích sử dụng 5 mặt bằng Công ty đang quản lý.

- Ngày 09/12/2005, Công ty trở thành thành viên liên kết với Công ty Dệt may Gia Định theo quyết định số 6231/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Dệt may Gia Định nắm 10% phần vốn của nhà nước tại GMC.

2006

- Niêm yết vào tháng 12/2006 trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là GMC.
- Đầu tư 100% vốn xây dựng Công ty TNHH May Tân Mỹ trên khu đất rộng 50,000 m² tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch 1, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

2007

- Ngày 04/06/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép số 105/ĐKCB chấp thuận cho công ty cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cổ tức đợt 03/2006 bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu

2009

- Tiếp tục phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn để tăng vốn điều lệ.
- Đạt chứng nhận ISO 9001:2008 theo đánh giá của tổ chức Quarcert ngày 22/10/2009.

2012

- Góp 51% vốn điều lệ hợp tác với Công Ty TNHH Một thành viên Blue Exchange để thành lập Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh
- Ngày 07/12/2012, Công ty nhận được quyết định số 54/GCN - UBCK về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Hiện nay, Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn đang hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).
- Sản xuất vải dệt thoi.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.
- Đại lý, môi giới, đấu giá.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoàn thiện sản phẩm dệt.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Các sản phẩm tiêu biểu

Địa bàn kinh doanh

Tính đến năm 2012, hơn 85% doanh thu từ hoạt động bán hàng của GMC đều từ hoạt động xuất khẩu. Các khách hàng truyền thống lớn chủ yếu ở thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản...

Hiện Công ty đã hoạch định và đang triển khai kế hoạch Tái cơ cấu lần II, trong đó Tái cơ cấu thị trường là một trong những khía cạnh được quan tâm chú trọng.

Theo kế hoạch, đến năm 2015, GMC sẽ hoàn thành công tác tái cơ cấu thị trường, cụ thể như sau:

- Xuất khẩu theo thị trường mục tiêu chiếm 80%, phù hợp với nội lực công ty. GMC hướng đến cơ cấu an toàn cân bằng lượng xuất khẩu sang thị trường Mỹ và Châu Âu đều chiếm 40%, 20% còn lại sẽ là những khu vực khác. Đây cũng là thời điểm bổ sung lợi thế cạnh tranh cho ngành may Việt Nam do thuế xuất nhập khẩu vào các thị trường truyền thống bằng 0% khi các hiệp định thương mại TPP và EU – VN có hiệu lực;
- Thị trường nội địa chiếm 20%. Nắm bắt được cơ hội cũng như những thuận lợi trước mắt, GMC đặt mục tiêu tập trung vào thị trường mậu dịch chung ASEAN. Với dân số gần 600 triệu người và không bị đánh thuế xuất nhập khẩu, ASEAN hiện đang là một trong những thị trường tiềm năng nhất mà GMC hướng đến.

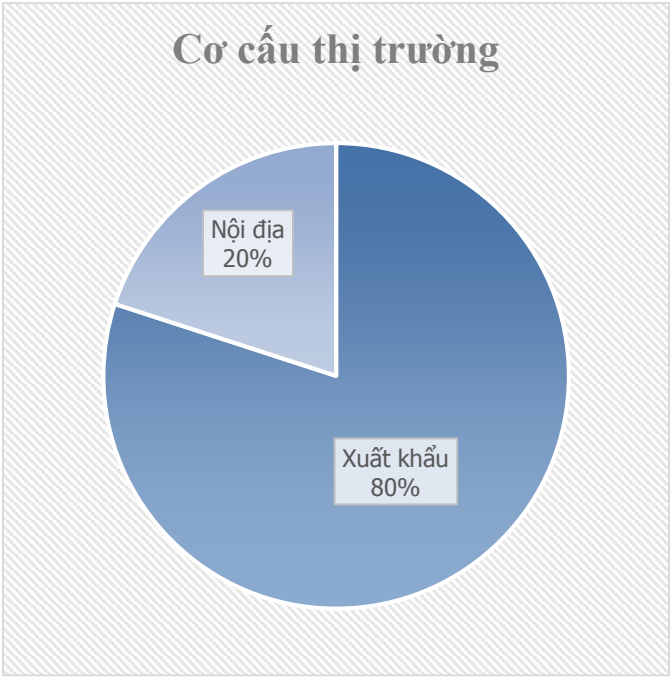

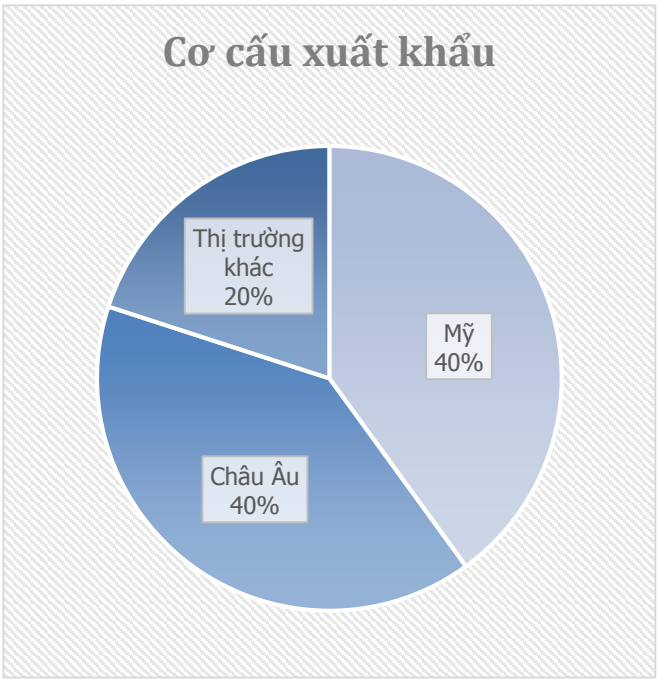

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

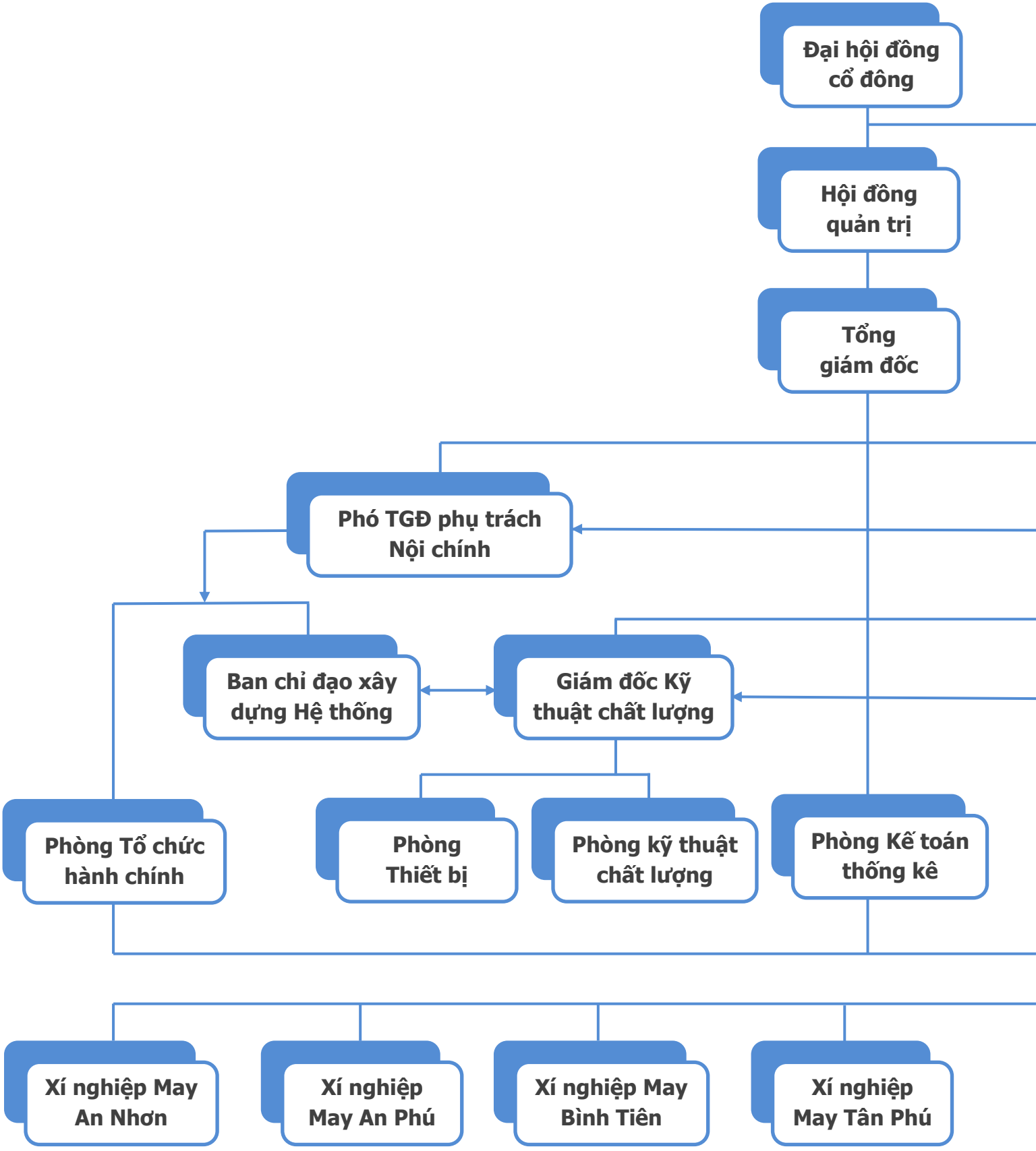

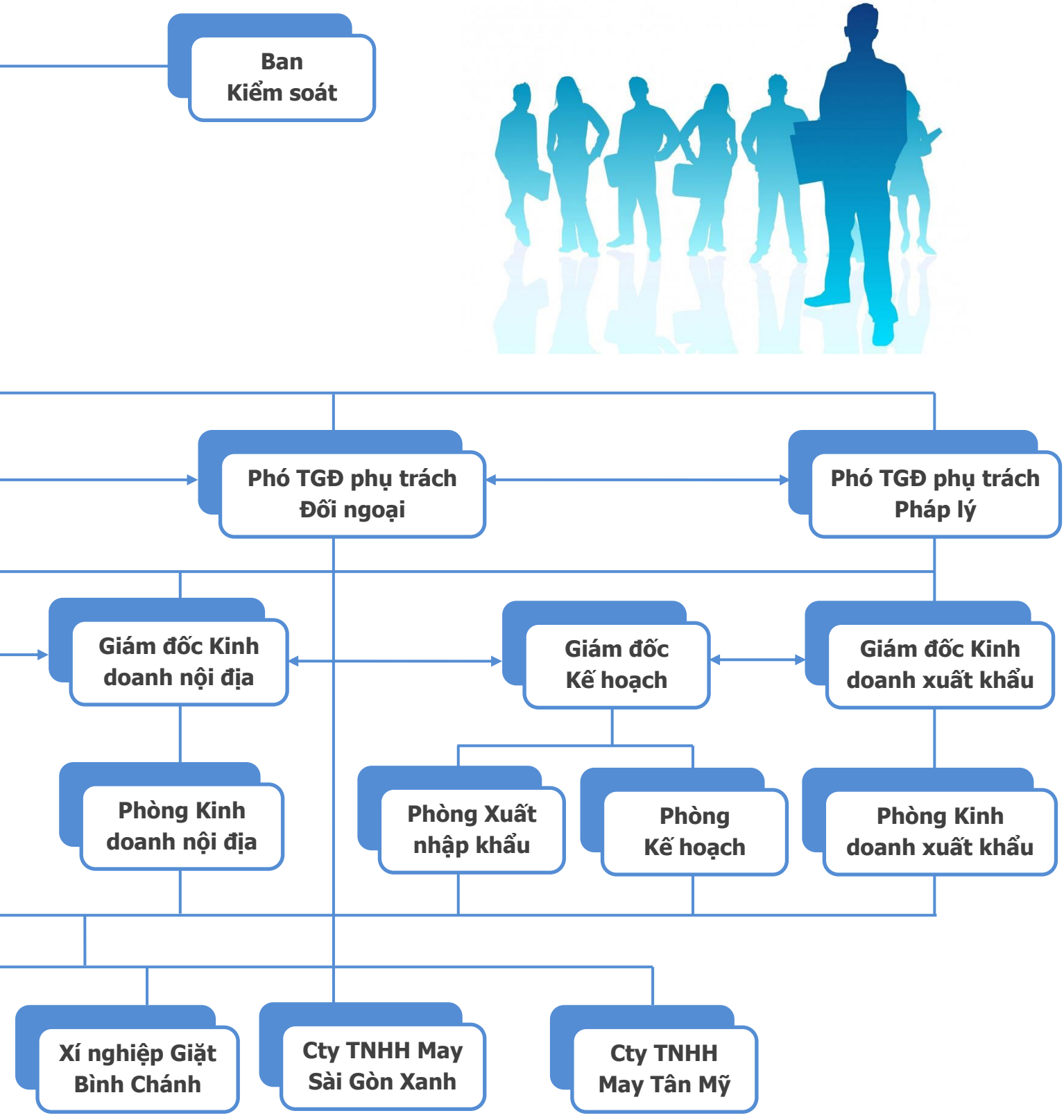
Ban Kiểm soát
Phó TGĐ phụ trách Đối ngoại
Phó TGĐ phụ trách Pháp lý
Giám đốc Kinh doanh nội địa
Giám đốc Kế hoạch
Giám đốc Kinh doanh xuất khẩu
Phòng Kinh doanh nội địa
Phòng Xuất nhập khẩu
Phòng Kế hoạch
Phòng Kinh doanh xuất khẩu
Xí nghiệp Giặt Bình Chánh
Cty TNHH May Sài Gòn Xanh
Cty TNHH May Tân Mỹ

Mục tiêu và định hướng phát triển

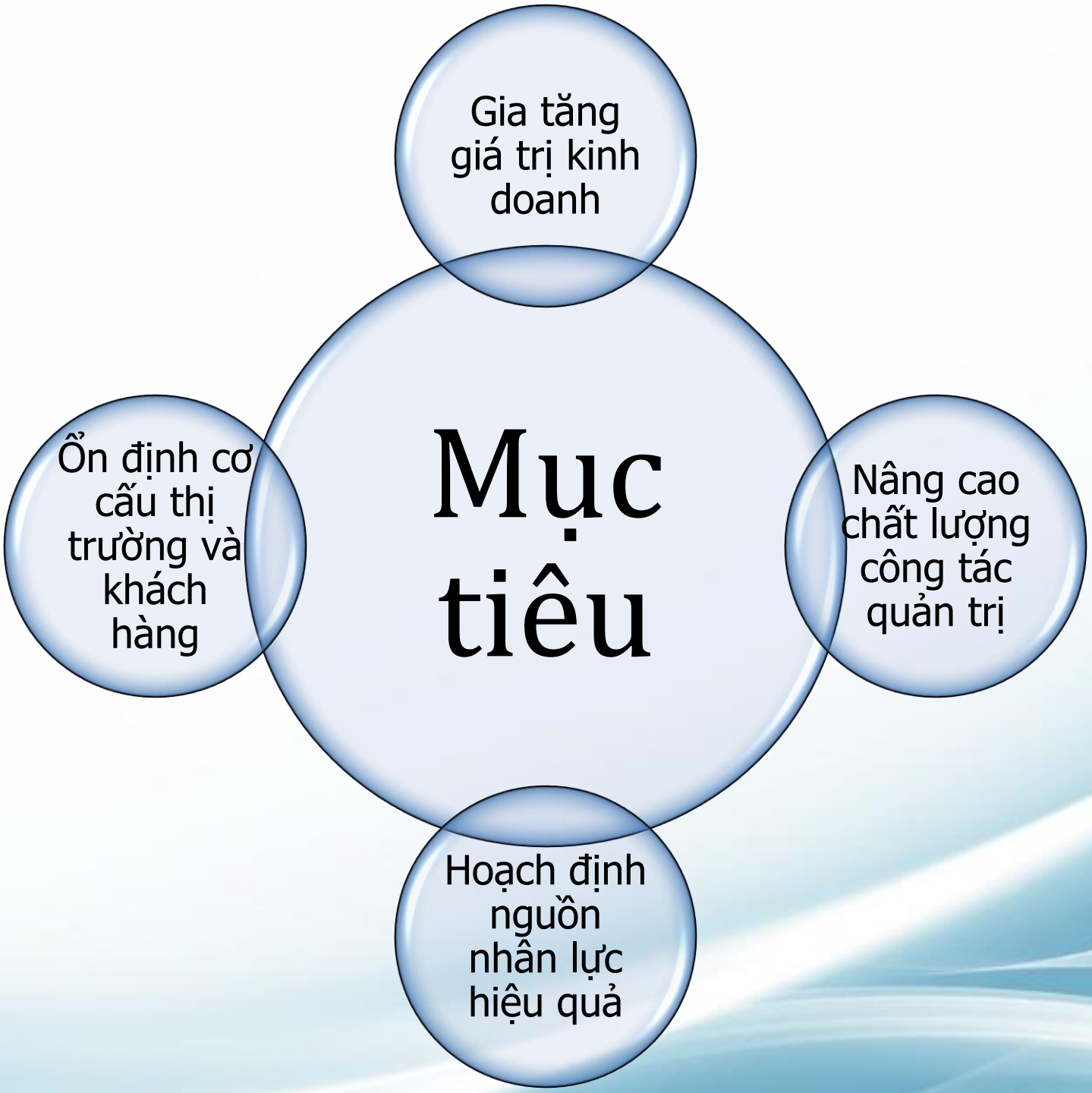

Định hướng phát triển

Kiên định với mục tiêu chiến lược của Công ty - phấn đấu trở thành một trong những Doanh nghiệp May mặc hàng đầu Việt Nam "**XUẤT KHẨU MẠNH – NỘI ĐỊA TỐT – THƯƠNG HIỆU ĐẲNG CẤP**" thông qua hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả RoS, RoE, RoA và EPS hàng năm.

Tiếp tục củng cố vị thế Công ty đã xác lập; tạo cơ sở đảm bảo ổn định hoạt động, phát triển bền vững và thúc đẩy cải tiến quản trị, điều hành Công ty

Tập trung rà soát nội lực, sẵn sàng cho chiến lược phát triển tăng tốc trong giai đoạn 2014 – 2018. Hoạch định, triển khai chiến lược Tái cơ cấu lần II để thích nghi với tình hình kinh tế trong và ngoài nước đồng thời phát huy tối đa nguồn lực, nắm bắt thời cơ và giảm thiểu rủi ro.

Củng cố và mở rộng nguồn khách hàng/ thị trường truyền thống và tiếp cận thị trường/ khách hàng mới từ ưu đãi thuế quan của các hiệp định thương mại song phương/ đa phương TPP, EU – VN, ASEAN – Trung Quốc…

Luôn trong tư thế sẵn sàng đương đầu với những khó khăn, thách thức liên quan đến nguồn nguyên liệu đầu vào (nguồn cung nguyên liệu nội địa không thể đáp ứng nhu cầu về chất lượng và số lượng, cạnh tranh nguồn nguyên liệu đầu vào), cạnh tranh nguồn lao động, cạnh tranh thị trường nội địa từ các mặt hàng hiệu của Mỹ, Châu Âu hoặc hàng giá rẻ từ Trung Quốc và các nước thành viên ASEAN khác…

Rủi ro

Là một công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn phải đối mặt với rất nhiều rủi ro.

Rủi ro kinh tế

Một trong các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình hoạt động của các công ty trong nền kinh tế thị trường là tốc độ tăng trưởng GDP. Trong vòng 10 năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam luôn ở mức thấp. Đặc biệt trong năm 2012, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt 5.03% - mức thấp nhất trong vòng 13 năm. Việc chỉ số tăng trưởng GDP thấp phản ánh tình trạng khó khăn, trì trệ trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài sự tác động của tốc độ tăng trưởng GDP, rủi ro về lãi suất cũng là một vấn đề cần được quan tâm và cân nhắc. Tuy nhà nước đã có những chính sách hạ trần lãi suất cho vay, tuy nhiên các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với nguồn vốn giá rẻ. Hiện nay, Cty có tỷ lệ vốn chủ sở hữu/doanh thu còn thấp, chỉ gần 10%, do đó sẽ lệ thuộc nhiều vào vốn vay tín dụng. Trong 2012, vốn vay tín dụng đều sử dụng ngoại tệ với lãi suất thấp, ưu đãi do đó chi phí tín dụng thấp, tăng lợi thế cạnh tranh. Tuy nhiên, việc duy trì chính sách tín dụng ngoại hối vẫn được điều chỉnh hàng năm nên đây sẽ là rủi ro nếu ngân hàng nhà nước điều chỉnh chính sách không cho phép vay tín dụng ngoại hối

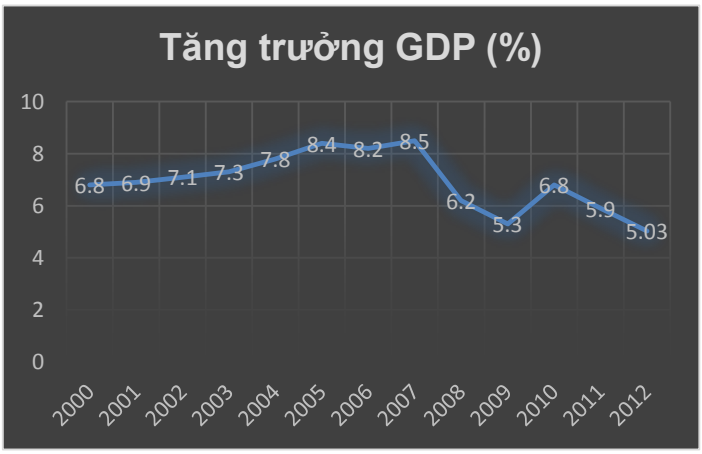

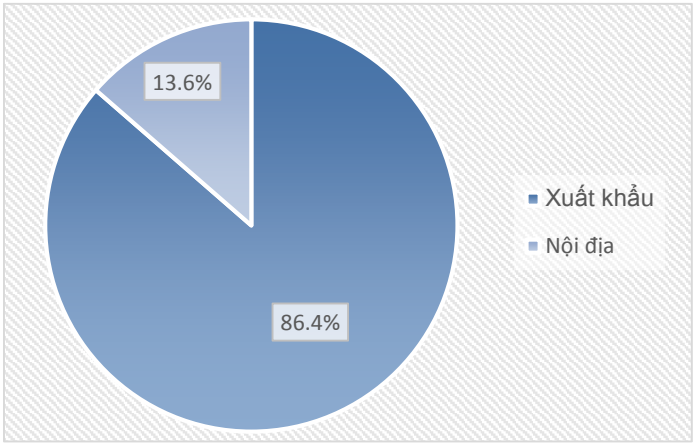

Rủi ro tỷ giá

Doanh thu từ xuất khẩu chiếm tỉ trọng rất lớn (86.4%) là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc doanh nghiệp chịu rủi ro rất cao về tỷ giá. Hơn thế nữa, phần lớn nguyên vật liệu sản xuất của công ty đều là nhập khẩu từ nước ngoài; vì thế, sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Rủi ro thị trường

Bất kì công ty nào dù ít dù nhiều cũng đều chịu rủi ro từ thị trường. Thị trường luôn chịu tác động của nền kinh tế toàn cầu, sự thay đổi thị hiếu, văn hóa cũng như thói quen của người tiêu dùng. Ngoài ra, vấn đề quan hệ hợp tác với khách hàng, nhà cung ứng cũng là vấn đề cần được quan tâm và cân nhắc kĩ lưỡng. Trong tình hình thị trường xuất hiện nhiều công ty cùng ngành như hiện nay, doanh nghiệp luôn phải có các biện pháp nâng cao, cải thiện hệ thống quản lý, trách nhiệm xã hội, chất lượng mẫu mã, hàng hóa; cân đối, giữ gìn bền vững quan hệ với khách hàng và nhà cung ứng đế giảm thiểu tối đa rủi ro từ các công ty cạnh tranh.

Rủi ro đặc thù

Các rủi ro về vấn đề nguyên vật liệu cũng như phương thức dây chuyền sản xuất là một trong những thách thức lớn cho doanh nghiệp. Nguồn nguyên vật liệu của GMC hơn 80% đều được nhập khẩu từ nước ngoài, vì vậy bất kì sự thay đổi, biến động nào của giá nguyên vật liệu thế giới đều ảnh hưởng đến vấn đề chi phí và lợi nhuận của công ty.

Bất kì ngành nghề nào cũng đều có rất nhiều rủi ro trong quá trình sản xuất. Trong môi trường cạnh tranh gay gắt, bất kỳ rủi ro, sự cố nào xảy ra cũng có thể gây gián đoạn quá trình sản xuất; từ đó dẫn đến tình trạng chậm giao hàng hóa hoặc chất lượng sản phẩm không đảm bảo, gây thiệt hại đến Công ty. Vì thế, doanh nghiệp luôn phải coi trọng tính điều hành, cân đối kế hoạch, giám sát chất lượng, nghiên cứu cải thiện nâng cao kĩ thuật sản xuất.

Rủi ro luật pháp

Công ty cổ phần luôn phải đối mặt với rủi ro trực tiếp từ hệ thống luật pháp. Do hoạt động với hình thức Công ty cổ phần và niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, doanh nghiệp chịu sự chi phối trực tiếp từ Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Bất kỳ sự thay đổi nào của hệ thống luật pháp đều gây ra tác động lớn đến việc hình thành chiến lược và chính sách của Công ty. Bên cạnh đó, việc Việt Nam đã và đang hòa nhập vào thị trường thế giới cũng đã đặt ra rất nhiều khó khăn và thử thách cho các doanh nghiệp trong việc nắm bắt và tiếp thu Luật pháp quốc tế nói chung và Luật thương mại Quốc tế cũng như rào cản kỹ thuật chống bán phá giá của các nước nhập khẩu nói riêng.

Các chứng nhận, giải thưởng đạt được

Công Ty Sản Xuất Chất Lượng Cao

Công Ty Có Quan Hệ Lao Động Tốt (BSCI, ITS, STR, SGS, VCCI)

Công Ty Xuất Khẩu Uy Tín (Bộ Công Thương)

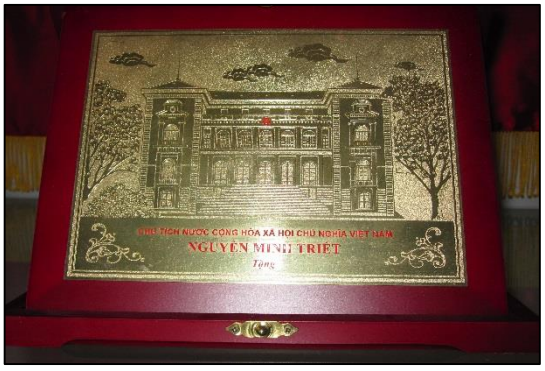

Hoạt động cộng đồng, xã hội

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn luôn quan tâm đến các hoạt động cộng đồng và xã hội. GMC ý thức được rằng, mỗi cá nhân, đoàn thể đều là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng; vì thế Công ty luôn nêu cao phương châm phát triển gắn liền với sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội. Trong năm, Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động từ thiện, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là trường hợp trẻ em cơ nhỡ…

2

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình sản xuất kinh doanh

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	2011	2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	865,731	1,059,093
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	45	99
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	865,687	1,058,994
4	Giá vốn hàng bán	682,336	890,011
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	183,350	168,983
6	Doanh thu hoạt động tài chính	20,388	17,761
7	Chi phí tài chính	16,605	9,861
8	Chi phí bán hàng	18,254	17,244
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	118,031	102,073
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	50,849	57,566
11	Thu nhập khác	1,676	3,949
12	Chi phí khác	8	43
13	Lợi nhuận khác	1,668	3,906
14	Lãi/ lỗ công ty liên kết, liên doanh	-	-
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52,516	61,471
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9,506	9,700
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43,011	51,771
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	4,871	5,870

Cơ cấu doanh thu Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại may Sài Gòn

	2011	2012	Tăng / Giảm
Doanh thu thuần bán thành phẩm	865,413	1,055,401	21.95%
- Doanh thu thuần xuất khẩu FOB	792,794	921,761	16.27%
- Doanh thu thuần xuất khẩu CMP	5,237	11,530	120.17%
- Doanh thu nội địa	67,383	122,110	81.22%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	273	3,593	1214.35%
Tổng doanh thu thuần	**865,687**	**1,058,994**	22.33%

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của GMC trong năm 2012 rất đáng ghi nhận và vẫn đảm bảo tốc độ tăng trưởng đều trên tất cả các lĩnh vực. Có thể thấy, doanh thu thuần từ xuất khẩu FOB đạt tốc độ tăng thấp nhất (16.27%) là do ảnh hưởng từ tình hình khủng hoảng ở hai thị trường trọng yếu là Mỹ và Châu Âu. Tuy nhiên, trong bối cảnh chung ảm đạm của ngành dệt may do thị trường Châu Âu bị thu hẹp, con số 16.27% tăng trưởng vẫn được xem là rất ấn tượng. Xuất khẩu FOB vẫn là nguồn doanh thu chủ yếu của GMC; tỷ trọng FOB giảm nhẹ trong năm 2012 từ 91.58% xuống còn 87.04% do chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tình hình bất ổn ở các thị trường xuất khẩu chính, đặc biệt là tác động của cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu. Tuy nhiên Công ty vẫn giữ được sự ổn định tương đối nhờ sự hỗ trợ, phối hợp kịp thời cũng như sự nỗ lực điều hành cân đối năng lực để làm hàng nội địa và sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống ở thị trường Mỹ và Nhật Bản.

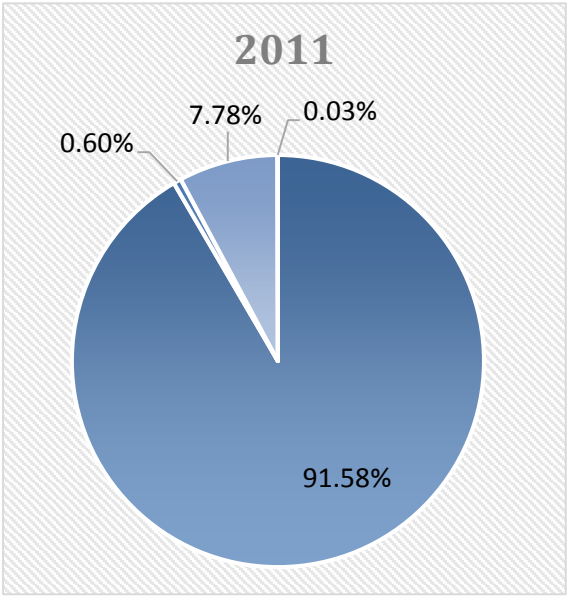

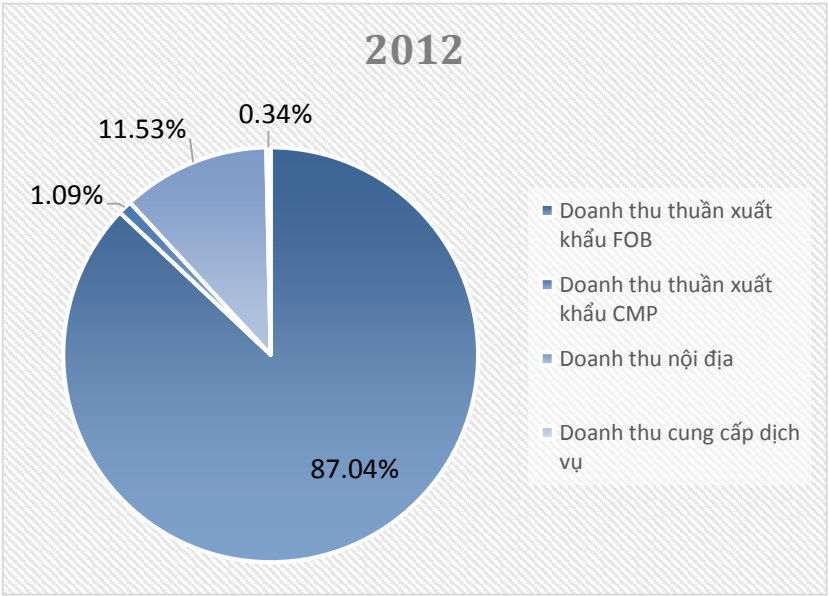

Ban Điều hành

Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Ân

Phó Tổng giám đốc

Bà Đỗ Thị Kim Nhàn

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Hoàng Giang

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Minh Hằng

Sơ yếu lý lịch và Quá trình công tác của Ban Điều hành

Ông Nguyễn Ân – Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1953
Nơi sinh: Quảng Ngãi
CMND số: 023744173, cấp ngày 11/11/2011, tại CA TP.HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 304/9C Lê Đức Thọ, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. HCM
Số ĐT liên lạc: (08) 39844822
Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp

Quá trình công tác:

- 5/1993 - 11/1995 Giám đốc Xí nghiệp may Liên doanh An Nhơn.
- 12/1995 - 5/1997 Phó giám đốc Xí nghiệp may Garmex 2
- 6/1997 - 12/1997 Quyền Giám đốc Garmex 2
- 1/1998 - 8/1999 Giám đốc Xí nghiệp Garmex 2
- 9/1999 - 12/2003 Phó Giám đốc Công ty sản xuất - xuất nhập khẩu May Sài Gòn kiêm Giám đốc Xí nghiệp Garmex 2.
- 1/2004 - 2/2007 Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc, Giám đốc Xí nghiệp May An Nhơn thuộc Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.
- 3/2007 đến nay Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám Đốc

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH May Tân Mỹ, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh.

Bà Đỗ Thị Kim Nhàn – Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 29/05/1958
Nơi sinh: Hà Nội
CMND số: 021563814, cấp ngày 22/10/2008, tại CA TP.HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 43 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Số ĐT liên lạc: (08) 39844748
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Chính trị, cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- 6/1993 - 01/1994 Trưởng phòng TC-HC LHXN May.

- 01/1994 - 3/1995 Phó Tổng Giám đốc Công ty SX-XNK May Sài Gòn.
- 3/1995 - 5/2000 Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc XN May Garmex 3.
- 6/2000 - 5/2003 Phó Giám đốc Công ty - Giám Đốc XN May Garmex 3 - Kiêm Trưởng phòng TC-HC - Công ty SX-XNK May Sài Gòn.
- 6/2003 - 12/2003 Phó Giám đốc Công ty – Kiêm Trưởng phòng TC-HC Công ty SX-XNK May Sài Gòn
- 01/2004 - 3/2011 Ủy viên thường trực HĐQT nhiệm kỳ 1, Phó Tổng Giám đốc
- 01/2011 đến nay: Thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2, Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SX - TM May Sài Gòn.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI), Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH May Tân Mỹ.

Ông Nguyễn Hoàng Giang – Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh:	31/12/1961
Nơi sinh:	Sài Gòn
CMND số:	020417705, cấp ngày 08/02/2012, tại CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	258 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	(08) 39844822
Trình độ chuyên môn:	Đại học Sư phạm Anh văn

Quá trình công tác:

- 01/1994 - 06/1994 Trưởng phòng XNK Công ty SX – XNK May Sài Gòn.
- 07/1994 - 06/1997 Trưởng phòng XNK Công ty Legamex.
- 07/1997 – 10/1998 Nghỉ việc Công ty Legamex.
- 11/1998 – 03/1999 Chuyên viên XN May Garmex 2, Công ty SX-XNK May Sài Gòn.
- 04/1999 - 11/1999 Phó GĐ XN Garmex 2, Công ty SX-XNK May Sài Gòn.
- 12/1999 - 12/2003 Trưởng phòng Xúc tiến Thương mại, Công ty SX – XNK May Sài Gòn.
- 01/2004 đến nay Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn.

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh.

Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh:	12/01/1965
Số CMND:	022748227 cấp ngày 14/01/2008 tại TP. HCM
Nơi sinh:	Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Đại chỉ thường trú:	258/80A Trần Hưng Đạo, quận 1, Tp Hồ Chí Minh (Nơi ở hiện nay: 16 Đường 35, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP. HCM)
Số điện thoại liên lạc:	(08) 39844822/129
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế (ngành quản trị)

Quá trình công tác:

- 4/1993 - 4/2000 Bí thư Đoàn TN kiêm Phó Quản đốc Xí nghiệp May Garmex 1
- 5/2000 - 3/2002 Phó Phòng TCHC Xí nghiệp May Garmex 1
- 3/2002 – 4/2005 Trưởng Phòng Tổ chức hành chính Xí nghiệp May An Nhơn
- 5/2005 – 4/2009 Trưởng Phòng Tổ chức hành chính Công ty
- 5/2009 – 5/2010 Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính kiêm Trưởng Phòng TCHC Công ty Cổ phần SẢN XUẤT - TM May Sài Gòn.
- 8/2010 đến nay Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội chính.

Chức vụ hiện nay tại GMC: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn.

Bà Nguyễn Minh Hằng – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh:	18/06/1977
Nơi sinh:	Thành phố Hồ Chí Minh
CMND số:	023063803, cấp ngày 20/04/2000, tại CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	407/3 Lý Thái Tổ, Phường 9, quận 10, TP.HCM
Số ĐT liên lạc:	(08) 38616377 - DĐ: 0908.395152
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/1999 – 12/2006 Nhân viên Kế toán Công ty May Sài Gòn.
- 01/2007 – 02/2008 Phó Phòng Kế tóan thống kê Công ty Cổ phần SX -TM May Sài Gòn.
- 03/2008 – 06/2009 Trưởng Phòng Kế toán thống kê Công ty.
- 6/2009 đến nay Kế toán Trưởng Công ty Cổ Phần SX -TM May Sài Gòn.

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Số lượng lao động Công ty

Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	**3,204**	**100**
- Đại học	100	3.12
- Cao đẳng	77	2.40
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	184	5.74
- Tốt nghiệp phổ thông	2,843	88.73
Phân theo hợp đồng lao động	**3,204**	**100**
- Không xác định thời hạn	1,367	42.67
- Ký hợp đồng có thời hạn	1,837	57.33

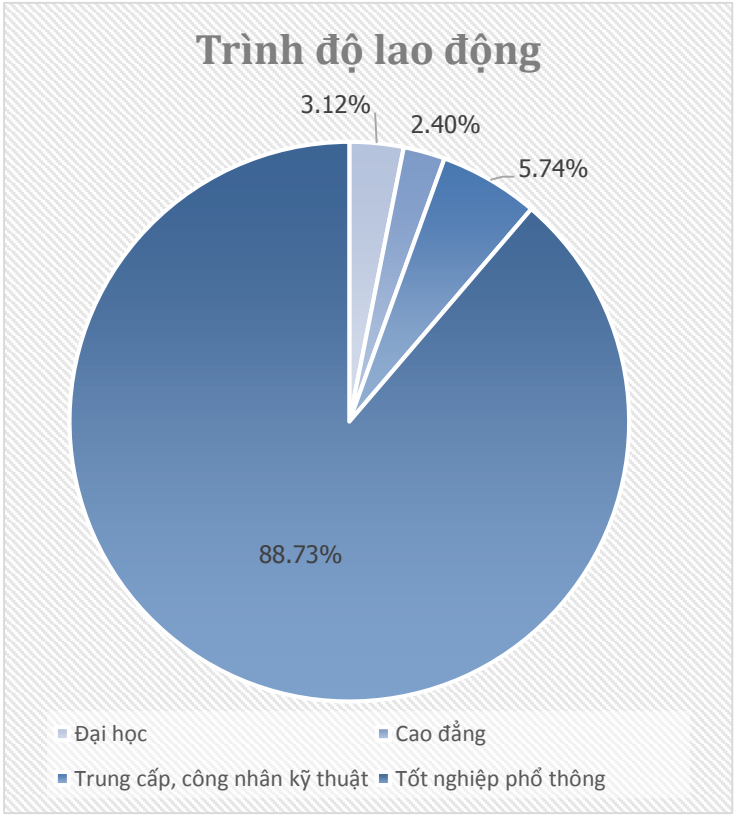

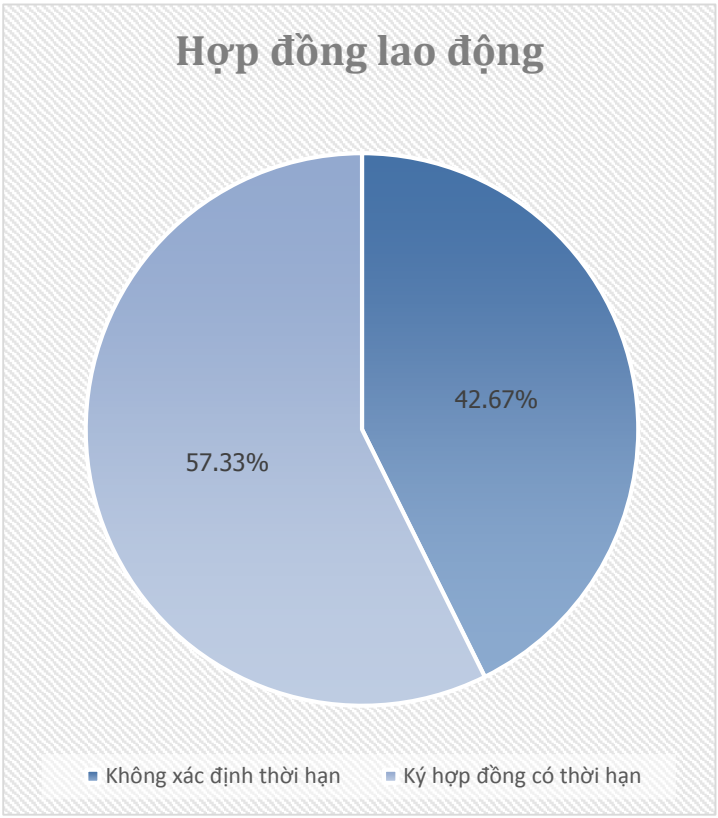

Chính sách đối với người lao động

a. Chính sách đào tạo

- Căn cứ nhu cầu phát triển, Công ty sẽ bố trí đào tạo và đào tạo lại cho CBCNV nhằm nâng cao trình độ và hiệu quả công việc. Công nhân trực tiếp sản xuất được tổ chức ôn luyện tay nghề, thi nâng bậc theo niên hạn. Ngoài ra, Công ty thường xuyên huấn luyện cho người lao động về công tác bảo hộ - an toàn lao động và các Bộ luật liên quan.
- Hầu hết cán bộ quản lý xí nghiệp đã được đào tạo tại Nhật trong thời gian bình quân 3 tuần/kỳ theo chương trình AOTS.

Hiện nay, Công ty đang triển khai chiến lược tái cơ cấu cho phù hợp với diễn biến tình hình kinh tế trong và ngoài nước trên cơ sở phát huy nội lực và lợi thế của Công ty. Do đó, Công ty sẽ phải tiến hành tái cơ cấu lại hệ thống quản lý, từ đó lên kế hoạch tái đào tạo cán bộ quản lý, điều hành, nghiệp vụ cho phù hợp với yêu cầu mới của hệ thống và mô hình hoạt động sau khi tái cơ cấu. Mặt khác, để nâng cao năng suất lao động toàn công ty, bên cạnh việc đầu tư thiết bị chuyên dùng, hoạch định năng lực sản xuất, GMC còn chú trọng đào tạo, nâng cao kỹ năng lao động và thao tác của người lao động trong sản xuất.

b. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

- Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại May Sài Gòn được chuyển thể từ doanh nghiệp Nhà nước nên kế thừa đầy đủ chế độ tiền lương và tiếp tục hợp đồng với người lao động khi Công ty chuyển đổi sang công ty cổ phần ngày 07/01/2004.
- Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng và thường xuyên cập nhật hệ thống thang bảng lương và các quy chế lương, thưởng, Nội quy Lao động và thỏa ước lao động tập thể trong Doanh nghiệp được Sở Lao Động thương binh xã hội thành phố công nhận. Ngoài ra, GMC còn thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động như mua Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn con người.
- Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI

Năm	Thu nhập bình quân đầu người (đồng/ người)
2010	4,689,626
2011	6,092,592
2012	6,614,240

- Hàng năm, Công ty kết hợp với Công đoàn khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng tiêu chuẩn chức danh công việc.
- Công ty cũng tổ chức tặng quà cho CBCNV liên quan trong các ngày quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thương binh liệt sĩ, ngày thành lập quân đội 22/12...; tham gia các hoạt động xã hội như tương thân tương ái, giúp đỡ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo của TPHCM, tiếp tục phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, góp quỹ "Vì ngư dân đánh bắt xa bờ Miền Trung", tặng máy chạy thận cho bệnh viện Nhi đồng 2 TPHCM... Ngoài ra, Công ty thường xuyên đẩy mạnh hoạt động các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo môi trường làm việc thân thiện, không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty.
- Hàng năm, Công ty tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát hoặc tổ chức xe về quê ăn tết, kinh phí trích từ quỹ phúc lợi.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tháng 08/2012

Thành lập Công ty TNHH hai thành viên May Sài Gòn Xanh với vốn điều lệ 86 tỷ đồng; Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn góp 51% và Công ty TNHH Thời trang xanh cơ bản góp 49% vốn điều lệ.

Ngày 15/08/2012

Thành lập chi nhánh tại Quảng Nam và xin cấp giấy chứng nhận đầu tư nhà máy sản xuất với diện tích 2,6 ha tại cụm Công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, Thăng Bình, Quảng Nam; đã xây dựng 1 trệt, 4 lầu và đưa vào sản xuất thử, dự kiến khai trương vào cuối tháng 4 với quy mô 10 chuyền may.

Ngày 02/11/2012

Được cấp giấy chứng nhận đầu tư nước ngoài (lập chi nhánh tại Hoa Kỳ) tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đăng ký hoạt động tại Hoa Kỳ ngày 24/12/2012.

Trong năm 2012, Công ty đã đầu tư hơn 11 tỷ đồng vào trang thiết bị chuyên dùng, phục vụ cho hoạt động sản xuất.

GARMEX Saigon js

BLUE EXCHANGE

Công ty con / Công ty liên kết

Danh sách các công ty con và công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Vốn góp của GMC theo mệnh giá	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH May Tân Mỹ	15,000	15,000	100%
2	Công Ty TNHH May Sài Gòn Xanh	86,000	43,860	51%
3	Công ty Cổ Phần Phú Mỹ	13,370	4,341	32.47%

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Công ty con

Công ty TNHH May Tân Mỹ

- Trụ sở chính của Công ty

Địa chỉ: Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Điện thoại: (064) 394 5626 Fax: (064) 394 5625

- Ngành nghề kinh doanh: May công nghiệp; Dệt vải, len các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu ngành dệt may; Cho thuê nhà xưởng; Dịch vụ giặt tẩy; Sản xuất và bán buôn, bán lẻ nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết đóng chai trong các cửa hàng chuyên kinh doanh, cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Vốn điều lệ của Công ty TNHH May Tân Mỹ là 15 tỷ đồng, GMC sở hữu 100% vốn của Công ty May Tân Mỹ và trực tiếp tham gia quản lý kế hoạch sản xuất, nhân sự, hệ thống chất lượng của Công ty con.

Công Ty TNHH May Sài Gòn Xanh

- Trụ sở chính của Công ty

Địa chỉ: 332 Lũy Bán Bích , Phường Hòa Thạch, Quận Tân Phú

- Ngành nghề kinh doanh: May công nghiệp, sản xuất vải dệt thoi, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng khác, bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, hoàn thiện sản phẩm dệt, tư vấn quản lý kinh doanh; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước.
- Vốn điều lệ của Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh là 86 tỷ đồng, GMC sở hữu 51% vốn của Công ty May Sài Gòn Xanh và trực tiếp tham gia quản lý, hiện tại GMC có 03 đại diện trong Hội đồng thành viên và 01 Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Giới thiệu dự án chiến lược – Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh

Tháng 8 năm 2012, GMC cùng với Công ty TNHH Thời trang Xanh hợp tác thành lập Công ty TNHH hai thành viên May Sài Gòn Xanh với vốn điều lệ 86 tỷ đồng.

Hiện nay, xưởng sản xuất của Sài Gòn Xanh đang trong giai đoạn hoàn thiện và chuẩn bị đưa vào hoạt động sản xuất.

Hiện trạng xí nghiệp

- Hoàn tất Nhà kho (hiện đang dùng đào tạo công nhân và sản xuất thử)
- Hoàn tất Xưởng sản xuất thứ I
- Hoàn tất Nhà để xe
- Hoàn tất lắp đặt Trạm biến thế điện
- Đang hoàn tất Bếp ăn
- Đang trải nhựa đường đi lại
- Đã mua và chuyển đến Xưởng 5 chuyền may quần jeans
- Đang mua tiếp và sẽ chuyển đến Xưởng 5 chuyền may áo jacket
- Đưa vào Thành phố đào tạo lực lượng quản lý chuyền sản xuất (2 tuần kết hợp lý thuyết và thực hành)

Vị trí và bố trí mặt bằng

Nằm trong khu Công nghiệp Chợ Được, Thăng Bình, Quảng Nam

Diện tích cả Xí nghiệp 210m x 128m

Xây dựng 3 nhà xưởng, mỗi xưởng có diện tích 24m x 108m

Xây dựng Nhà Lưu trú cán bộ, Bếp nấu ăn, Nhà xe, làm đường…

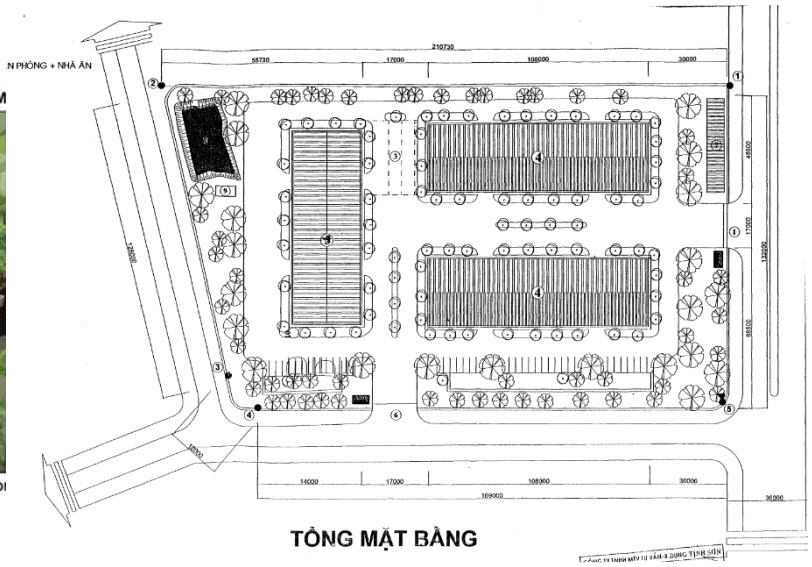

TỔNG MẶT BẰNG

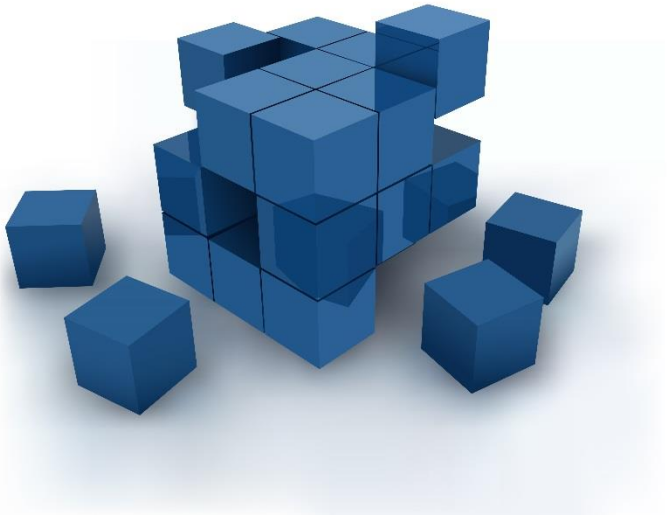

Công ty liên kết

Công ty Cổ Phần Phú Mỹ

- Trụ sở chính của Công ty

Địa chỉ : Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: 064.945538

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp; Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xử lý nước thải, rác thải; Mua bán nhà; Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch, ngói, xi măng,…;

- Đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phú Mỹ là 13,37 tỷ đồng, GMC nắm giữ 32.47% vốn điều lệ và có đại diện là Chủ tịch HĐQT Công ty.

Tình hình tài chính

Năm 2012 được xem là một năm khá thành công của GMC khi xét tình hình tài chính. Các chỉ tiêu tài chính đều tăng so với năm 2011, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	2011	2012	Tăng/ Giảm
Tổng giá trị tài sản	396,435	465,842	17.51%
Doanh thu thuần	865,687	1,058,994	22.33%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	50,849	57,566	13.21%
Lợi nhuận khác	1,668	3,906	134.19%
Lợi nhuận trước thuế	52,516	61,471	17.05%
Lợi nhuận sau thuế	43,011	51,771	20.37%

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Kết thúc năm 2012, tổng kết Tài sản Công ty tăng 17.51% so với năm 2011. Các chỉ tiêu đóng góp vào việc gia tăng tài sản là: tiền mặt, các khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản cố định. Trong đó chỉ tiêu tiền mặt là khoản tăng mạnh nhất do ngày cuối năm công ty nhận được nhiều khoản công nợ tới hạn khách hàng thanh toán. Tỷ lệ tăng của khoản mục công nợ phải thu và hàng tồn kho có xu hướng giảm hơn so với năm 2011. Năm 2011 tỷ lệ tăng của các khoản phải thu và hàng tồn kho 20.6% và 70.6% thì năm 2012 là 16.63% và 10.37%. Doanh thu thuần tăng 22.33% và lợi nhuận trước thuế tăng 17.05%. Mặc dù tình hình chung của ngành dệt may trong năm 2012 là khá ảm đạm, rất nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn; tuy nhiên Ban Lãnh Đạo của GMC đã rất linh hoạt trong việc điều hành và cân đối năng lực sản xuất để gia tăng lượng hàng bán ra và tiết giảm các chi phí không cần thiết giúp tình hình tài chính công ty được ổn định đồng thời gia tăng thêm lợi nhuận so với 2011.

Năm 2012, nhìn chung tình hình kinh doanh của ngành dệt may có xu hướng là thu hẹp về thị trường xuất khẩu, đặc biệt là thị trường EU. Vì thế có thể thấy, tăng trưởng của hoạt động kinh doanh thấp hơn rất nhiều so với lợi nhuận từ các hoạt động khác. Bên cạnh đó, do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao (hệ quả từ sự thu hẹp tỷ suất giữa đồng Euro và USD) đã góp phần hạ thấp tốc độ tăng trưởng lợi nhuận. Tuy nhiên, con số mà GMC đạt được - tăng 17.05% lợi nhuận trước thuế và tăng 20.37% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ là con số rất đáng khích lệ khi đặt trong bối cảnh toàn bộ bức tranh ngành dệt may.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2012

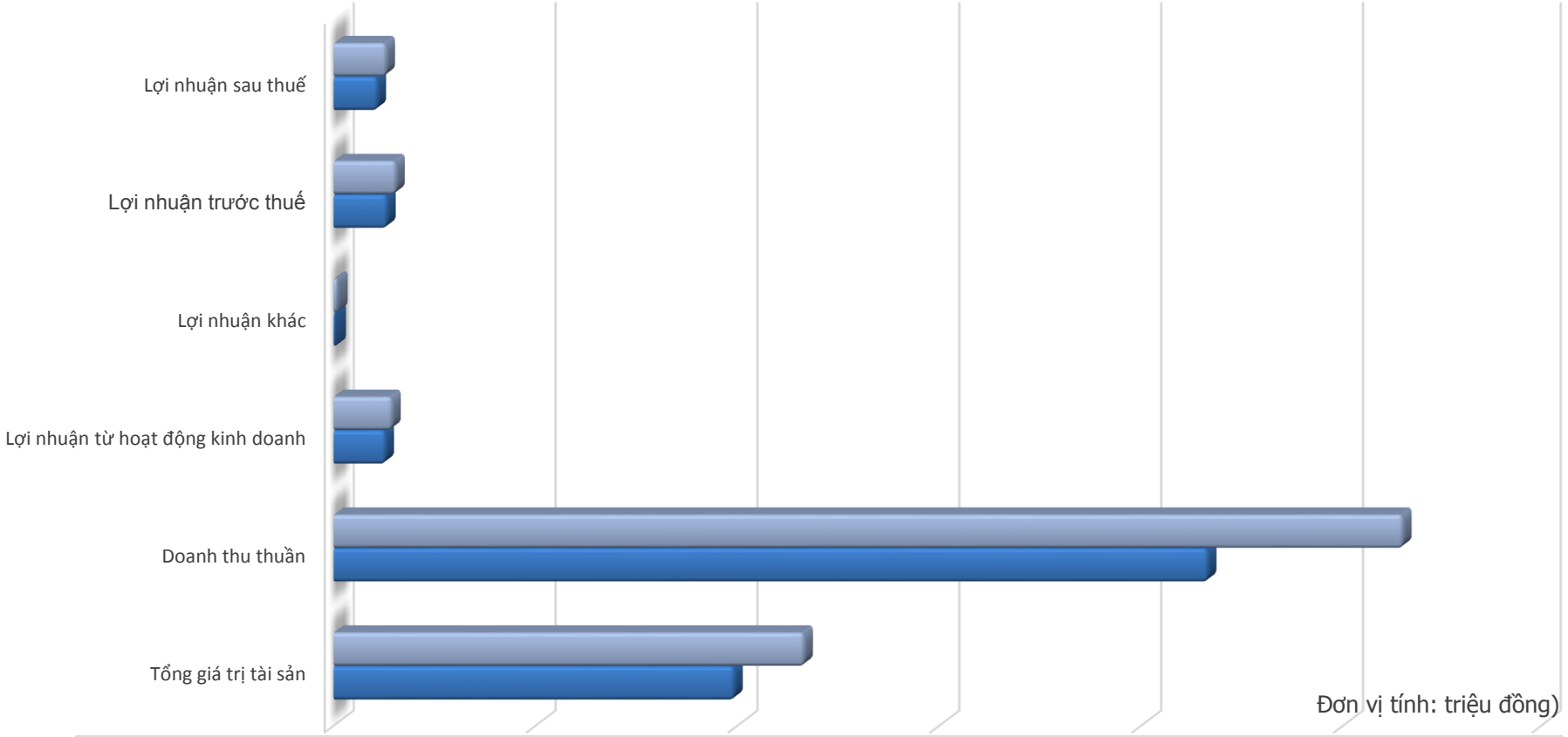

	Tổng giá trị tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Lợi nhuận khác	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
2012	465,841	1,058,993	57,565	3,905	61,471	51,770
2011	396,434	865,686	50,848	1,667	52,516	43,010

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu tài chính	2011	2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.24	1.17
Hệ số thanh toán nhanh	0.57	0.58
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.59	0.62
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.44	1.63
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay Hàng tồn kho	5.51	5.42
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.18	2.27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4.97%	4.89%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	29.00%	30.51%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	12.18%	12.01%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5.87%	5.44%

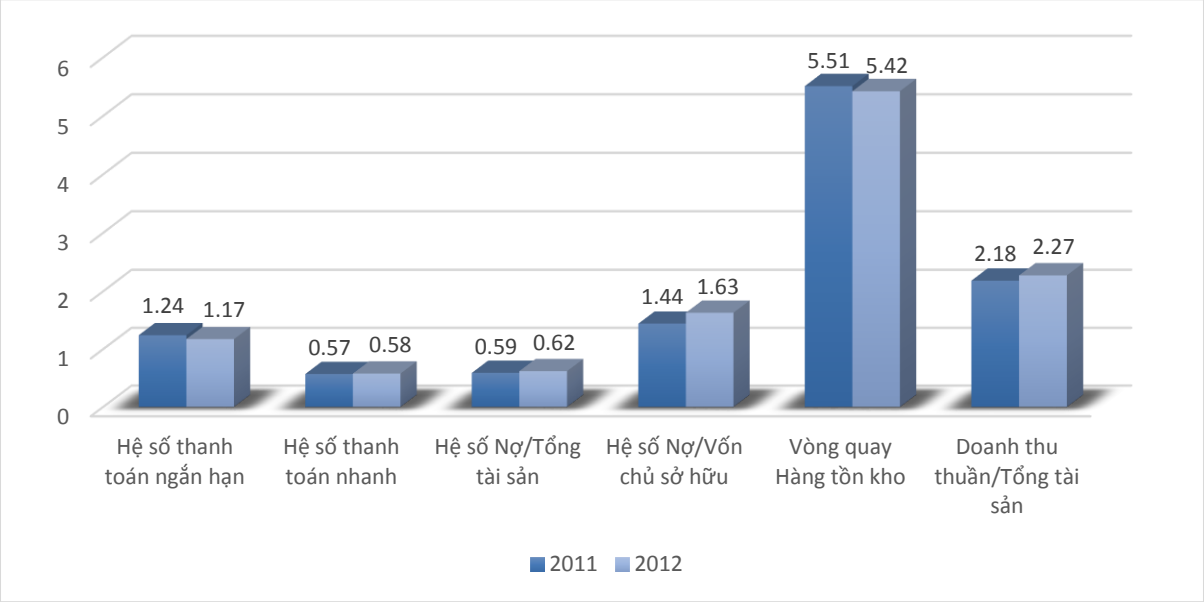

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Có thể dễ dàng nhận thấy sự chênh lệch khá lớn giữa hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh. Nguyên nhân do GMC là Công ty sản xuất các sản phẩm may mặc; vì thế lượng hàng tồn kho (chờ xuất) chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm nhẹ từ 1,24 xuống còn 1.17; qua năm 2012, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng chỉ 17.45% trong khi đó Nợ ngắn hạn tăng đến 24.29%. Tuy nhiên sau khi đã giảm trừ hàng tồn kho, tổng tài sản ngắn hạn của Công ty xét năm 2012 tăng 25.77% . Lúc này độ tăng trưởng của tài sản ngắn hạn đã đủ để bù trừ lượng tăng của nợ ngắn hạn dẫn đến kết quả là hệ số thanh toán nhanh có sự tăng nhẹ từ 0.57 lên 0.58.

Tuy hệ số thanh toán ngắn hạn có giảm nhưng cũng chỉ giảm rất nhẹ, bên cạnh đó là sự ổn định của hệ số thanh toán nhanh. Công ty khá chủ động trong việc duy trì nguồn tiền mặt để đảm bảo vấn đề sản xuất kinh doanh (thể hiện qua sự tăng 80.2% của nguồn tiền mặt từ 2011 qua 2012).

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2012, GMC vẫn giữ xu hướng của năm 2011 là sử dụng đòn bẩy trong việc điều phối nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh sản xuất. Tuy nhiên, với Hệ số Nợ/ Tổng tài sản chỉ ở mức 59% ở năm 2011 và tăng nhẹ lên 62% ở năm 2012 – nằm ở mức tương đối, cho thấy được rằng Công ty không phụ thuộc quá nhiều vào việc sử dụng nợ. Điều này là dấu hiệu tốt cho thấy Công ty khá thành công trong việc điều hành nguồn vốn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Tuy vòng quay hàng tồn kho (chờ xuất) của GMC giảm nhẹ từ 5.51 xuống còn 5.42; nhưng đối với một doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc, việc giữ được vòng quay hàng tồn kho ở mức này đã cho thấy Công ty rất ổn định trong vấn đề lưu chuyển hàng hóa, tránh ứ đọng hàng tồn kho. Bên cạnh đó, hệ số doanh thu thuần/ tổng tài sản tăng lên 2.27 cũng góp phần cho thấy Công ty đã hoạt động rất hiệu quả trong năm 2012.

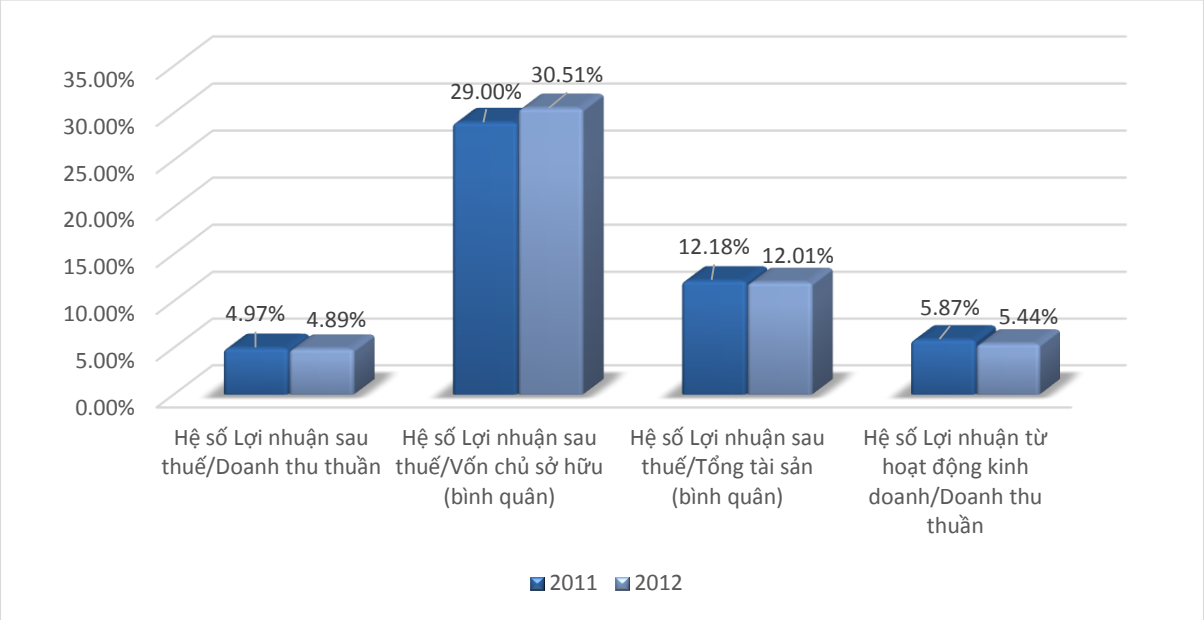

Nhận định chung năm 2012, GMC vẫn giữ ổn định các chỉ số về khả năng sinh lời. Năm 2012 là một năm ảm đạm của toàn ngành dệt may; việc thị trường xuất khẩu (đặc biệt là thị trường EU) bị thu hẹp tác động rất lớn đến lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành. Bên cạnh đó, chi phí đầu vào tiếp tục tăng và sự mất giá của đồng Euro càng khiến nhiều doanh nghiệp sụt giảm lợi nhuận. Vì thế, việc GMC giữ ổn định được các chỉ số về khả năng sinh lời, thậm chí hệ số lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu (ROE) tăng trong năm 2012 càng giúp chứng tỏ được vị thế của GMC trong ngành.

Bảng so sánh ROE và ROA của một số công ty tiêu biểu ngành dệt may năm 2012

	TNG	EVE	GIL	GMC	KMR	NPS	TCM
ROE	11	15	9	**31**	0	16	-3
ROA	3	12	4	**12**	0	8	-1

(Nguồn: Báo cáo triển vọng ngành 2013)

Việc hệ số lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần giảm nhẹ từ 4.97% xuống 4.89% là không đáng kể. Sở dĩ có sự giảm nhẹ này là do lợi nhuận sau thuế năm 2012 tăng 20.37% so với với năm 2011; tuy nhiên doanh thu thuần tăng đến 22.33%. Việc doanh thu thuần tăng đến 22.33% là một tín hiệu đáng mừng khi xét tình hình chung của toàn ngành may mặc năm 2012. Tuy nhiên, do sự ảnh hưởng chung của nền kinh tế thị trường, giá vốn nguồn nguyên liệu đầu vào, chi phí quản lý đều tăng cao góp phần hạ tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận.

Trường hợp tương tự đối với hệ số lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản bình quân (ROA); việc bình quân tổng tài sản tăng 22.04% đã vượt qua mức tăng của lợi nhuận sau thuế (20.37%), dẫn đến ROA giảm nhẹ từ 12.18% xuống còn 12.01%. Việc ROE tăng lên 30.51% cho thấy GMC đã và đang sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu một cách hiệu quả, từ đó nhận được sự tin tưởng từ phía nhà đầu tư. Năm 2012, bình quân tài sản ngắn hạn của GMC tăng 24.37%, điều này cho thấy GMC có sự hoạch định, tính toán kỹ lưỡng trong việc sử dụng nguồn tài sản phù hợp với tình hình của nền kinh tế. Như đã đề cập, GMC chủ động tăng nguồn tiền mặt để đảm bảo được tính thanh khoản của Công ty, đồng thời cho thấy khả năng quản lý, điều phối nguồn tài sản một cách hiệu quả.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	7,614,442	85.86
2	Ngoài nước	1,204,869	13.58
3	Cổ phiếu quỹ	49,260	0.56
	Tổng	**8.868.571**	**100,00**
1	Cá nhân	6,402,529	72.19
2	Tổ chức	2,416,782	27.25
3	Cổ phiếu quỹ	49,260	0.56
	Tổng	**8.868.571**	**100,00**

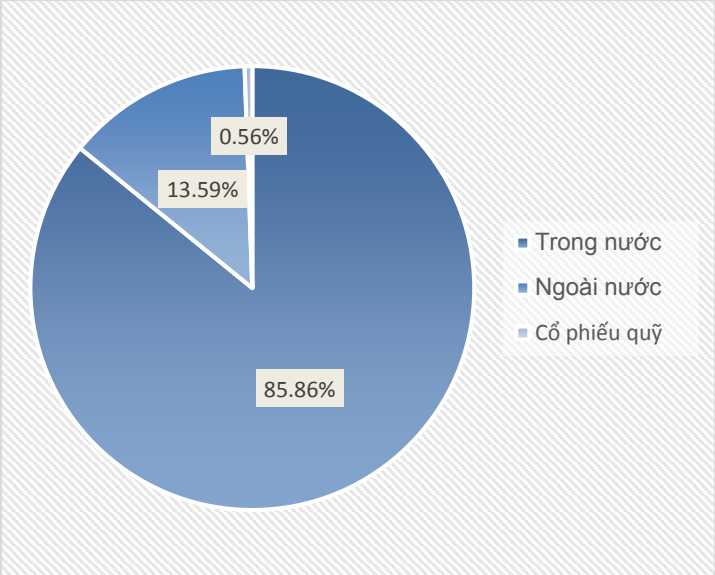

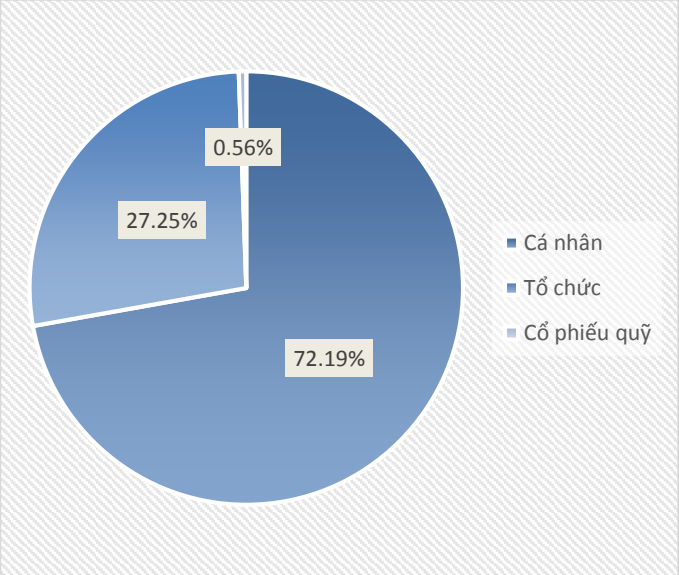

Các chứng khoán khác: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Ngày 14/12/2012, công ty thông báo chào bán 1,763,862 cổ phiếu. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến thu về được 21,166,344,000 đồng.

Kết thúc đợt chào bán cổ phiếu, cơ cấu nắm giữ cổ phần của các cổ đông có nhiều sự thay đổi. Bảng tổng hợp dưới đây thể hiện tình hình cơ cấu cổ đông trước và sau đợt chào bán:

Bảng thống kê thay đổi cơ cấu cổ đông GMC trình UBCKNN ngày 28/02/2013

STT	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Trước phát hành		Sau phát hành	
			Số CP sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ / vốn điều lệ (%)	Số CP sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ / vốn điều lệ (%)
A	**CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT**					
I	**Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin**					
1	Lê Quang Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	207,324	2.34	260,208	2.45
2	Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	206,728	2.33	259,493	2.44
3	Đỗ Thị Kim Nhàn	Thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	132,365	1.49	170,258	1.60
4	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Cty TNHH May Sài Gòn Xanh	90,084	1.02	114,100	1.07
5	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách Nội chính	5,065	0.06	17,498	0.16
6	Thanh Thị Huệ (Đại diện Cty Dệt May Gia Định cho phần vốn Nhà nước tại GMC)	Thành viên HĐQT	-	-	11,420	0.11

7	Lâm Tử Thanh (Giám đốc Cty TNHH TM Tân Á và Cty TNHH TM Á Châu)	Thành viên HĐQT	155,140	1.75	356,428	3.35
II	**Ban kiểm soát**					
1	Lê Thị Chín	Trưởng BKS	-	-	-	-
2	Liêu Sanh Thu Cúc	Thành viên BKS	8,546	0.10	10,255	0.10
3	Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên BKS	62	0.00	74	0.00
III	**Kế toán trưởng**					
	Nguyễn Minh Hằng	Kế toán trưởng	1,879	0.02	8,254	0.08
B	**CỔ ĐÔNG LỚN**					
1	Cty Dệt May Gia Định (Đại diện: Thanh Thị Huệ - Thành viên HĐQT GMC)	Vốn nhà nước	888,856	10.03	1,066,627	10.03
2	Lâm Quang Thái		1,046,940	11.81	1,256,328	11.82
3	Lâm Quang Vinh		1,106,234	12.48	1,327,480	12.49
C	**NHÓM CỔ ĐÔNG LỚN**					
1	Cty TNHH TM Á Châu		397,100	4.48	397,100	3.73
2	Cty TNHH TM Tân Á		397,100	4.48	397,100	3.73
3	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	155,140	1.75	356,428	3.35

3

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	So với kế hoạch
1	Tổng doanh thu	900,000	1,080,703	120.08%
2	Lợi nhuận trước thuế	55,000	61,471	111.77%

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch

Doanh thu

Tổng doanh thu năm 2012 đạt 1,080 tỷ đồng, tương đương 120.08% so với kế hoạch đề ra.
Trong đó:

- Sản xuất chính xuất khẩu: 86.36%
- Sản xuất chính nội địa: 11.63%
- Doanh thu từ hoạt động tài chính: 1.64%
- Thu nhập khác: 0.37%

Lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế đạt 61 tỷ đồng, tương đương 111.77% so với kế hoạch năm.

Năng lực sản xuất

Lao động bình quân 3,204 người, tăng 7.23% so với cùng kỳ năm 2011

Năng suất lao động bình quân đạt 14.66 USD/người/ngày, tăng 6% so với 2011

Nhận xét

- Doanh thu và lợi nhuận năm 2012 đều tăng so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Đây là thành quả tuyệt vời; sự linh hoạt trong điều hành của Ban Giám Đốc cộng với sự quyết tâm và đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã được đền bù xứng đáng. Những giải pháp được đưa ra giúp GMC đạt được kết quả như trên bao gồm:

- Linh hoạt trong điều hành sản xuất: Khi có tín hiệu không tốt từ thị trường EU, ban lãnh đạo công ty đã quyết định nhanh chóng thay đổi thị phần trong cơ cấu khách hàng cũng như cân đối nhanh giữa năng lực làm hàng xuất khẩu và nội địa để giữ ổn định sản xuất.

- Tiếp tục đầu tư theo chiều sâu, thực hành tiết kiệm trong sản xuất và trong đầu tư.

- Duy trì phong trào thi đua nâng cao năng suất lao động, phát huy sáng kiến giúp nâng cao năng suất và năng lực sản xuất. Đồng thời có các chính sách nhân sự phù hợp nâng cao sự đoàn kết trong đội ngũ cán bộ nhân viên.

- Tiếp tục chăm sóc, tạo môi trường làm việc thân thiện, tăng thu nhập cho Người lao động nhưng đảm bảo nguyên tắc hài hòa lợi ích với công ty và cổ đông. Xây dựng và đưa bếp ăn công nghiệp tại xí nghiệp An Nhơn, An Phú đi vào hoạt động, nâng cao chất lượng sống người lao động.

- Duy trì và phát triển các mối quan hệ với các đối tác cũng như với các tổ chức tín dụng để nhận được sự hỗ trợ kịp thời từ các đối tác.

Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2011	2012	Tăng / Giảm
Tài sản ngắn hạn	288,651	339,007	17.45%
Tài sản dài hạn	107,784	126,835	17.68%
Tổng tài sản	396,435	465,842	17.51%

Năm 2012, tổng tài sản Công ty tăng 17.51%, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 17.45% và tài sản dài hạn tăng 17.68%. Qua năm 2012, Công ty vẫn giữ ổn định cơ cấu tài sản, sự thay đổi trong cơ cấu tài sản là rất nhỏ và hầu như là không đáng kể.

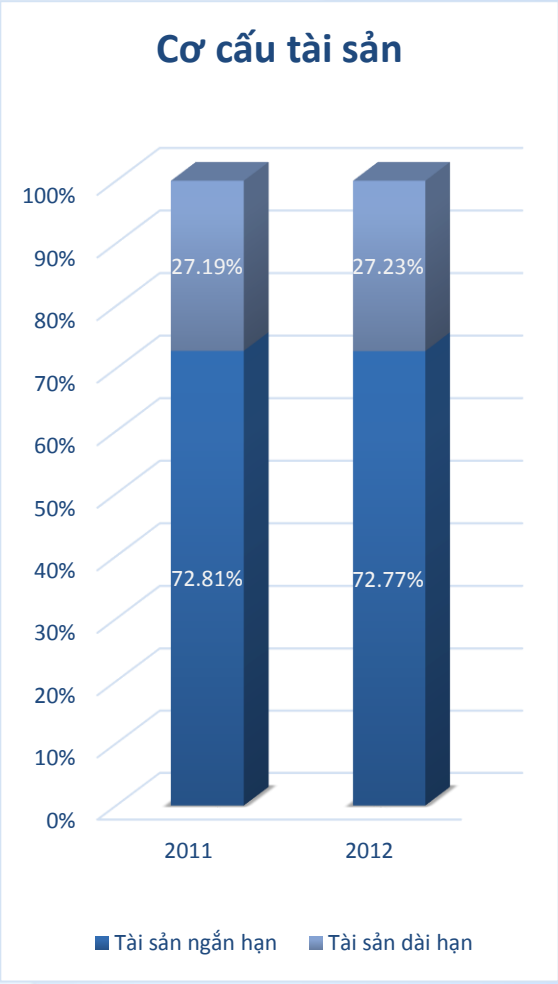

Tài sản ngắn hạn tăng đều ở tất cả các hạng mục, trong đó đáng chú ý là lượng tiền mặt tăng đến hơn 80% so với năm 2011. Điều đó một lần nữa cho thấy, Công ty rất chú trọng đến vấn đề lưu chuyển nguồn tiền, tạo thuận lợi cho việc điều phối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khoản tăng trong tài sản dài hạn chủ yếu là các khoản tăng Tài sản cố định và các chi phí trả trước dài hạn. Năm 2012 chứng kiến sự giảm nhẹ trong các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, các khoản đầu tư tài chính dài hạn thường sẽ được giảm thiểu, ưu tiên hơn cho các khoản đầu tư ngắn hạn, thúc đẩy việc lưu chuyển của nguồn tiền mặt. Có thể thấy trong suốt hai năm 2011 và 2012, GMC không đầu tư vào thị trường bất động sản; điều này là xu thế hiển nhiên trong tình trạng ngành bất động sản đóng băng. Bên cạnh đó, chiến lược của Công ty trong thời điểm hiện tại là tập trung vào phát triển ngành nghề cốt lõi.

Cơ cấu nguồn vốn

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2011	2012	Tăng / Giảm
Nợ ngắn hạn	232,351	288,779	24.29%
Nợ dài hạn	1,763	-	-
Tổng nợ	234,115	288,779	23.35%
Vốn chủ sở hữu	162,320	177,063	9.08%
Tổng nguồn vốn	396,435	465,842	17.51%

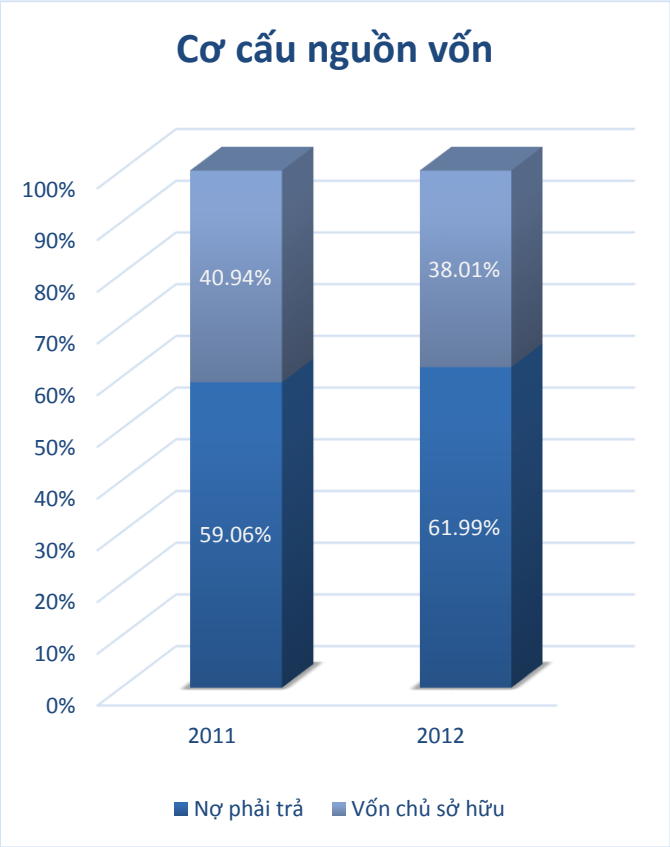

Năm 2012, Công ty tăng 17.51% tổng nguồn vốn, 9.08% vốn chủ sở hữu và 23.35% tổng nợ. Cơ cấu nguồn vốn có sự thay đổi nhỏ, hệ số Nợ / Tổng nguồn vốn tăng nhẹ từ 59.06% lên 61.99%. GMC vẫn giữ xu thế sử dụng đòn bẩy tài chính. Tuy nợ tăng lên nhưng vẫn nằm trong mức chấp nhận được. Bên cạnh đó, Công ty luôn trong tình trạng chủ động được nguồn tiền mặt và không quá phụ thuộc vào việc sử dụng nợ. Đặc biệt trong năm 2012, Công ty hoàn toàn không sử dụng nợ vay dài hạn.

Nguồn vốn chủ sở hữu tăng nhẹ chủ yếu là từ các khoản tăng trong quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2012, nên Kinh tế gặp nhiều khó khăn. tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nhờ sự chủ động trong công tác dự báo tình hình, cũng như sự linh hoạt trong công tác quản lý nên Công ty vẫn đảm bảo đạt được kết quả đáng trân trọng. Một số giải pháp được đưa ra trong công tác quản lý như sau:

- Công ty luôn chú trọng việc chăm sóc và tạo môi trường làm việc than thiện, gắn bó cho người lao động bên cạnh việc giáo dục, đào tạo nâng cao tay nghề, kỹ năng và các thao tác để ổn định sản xuất, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Đầu tư thêm 11 tỷ đồng thiết bị chuyên dùng để nâng cao năng suất lao động. Kết hợp việc tiếp tục cải tiến công tác điều hành, tăng tính phối hợp để LEAN hóa hoạt động, tổ chức bộ máy quản lý thích hợp với yêu cầu phát triển trung và dài hạn của công ty.
- Tiếp tục cải tiến công tác Quản trị công ty theo hướng tiệm cận tiêu chí OECD bên cạnh việc chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chú trọng công tác quản trị rủi ro bao gồm rủi ro về thị trường và tín dụng.
- Xây dựng hệ thống và quy chế kiểm toán nội bộ cho công ty.
- Xây dựng cơ chế lương – thưởng linh hoạt cho cán bộ công nhân viên giúp ổn định đời sống để yên tâm trong sản xuất và điều hành.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Cơ sở xây dựng chỉ tiêu Doanh thu sản xuất (chưa bao gồm doanh thu. lợi nhuận của Cty TNHH 2 thành viên May Sài Gòn Xanh)

- ***Năng lực sản xuất***

Xí Nghiệp May An Nhơn: 15 lines

Xí Nghiệp May An Phú: 15 lines

Cty May Tân Mỹ: 15 lines cũ và 3 lines mới

- ***Lao động bình quân***

Xí nghiệp May An Nhơn: 68 người/line

Xí nghiệp May An Phú: 70 người/line

Công ty May Tân Mỹ: 65 người/line

- ***Định mức năng suất***

Xí nghiệp May An Nhơn: 13.5 USD/người/ngày

Xí nghiệp May An Phú: 13.5 USD/người/ngày

Công ty Tân Mỹ: 13 USD/người/ngày (đối với 15 lines cũ) và 10 USD/người/ngày (đối với 3 lines mới)

- ***Ngày công chế độ***

11.5 tháng/năm, bình quân mỗi tháng 26 ngày

Chỉ tiêu phấn đấu 2013

	2012	2013	So với 2012
Tổng doanh thu	1,080,703,442,789	1,100,000,000,000	101.79%
Lợi nhuận trước thuế	61,471,056,375	62,000,000,000	100.86%

Giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục cơ cấu sản xuất kinh doanh vừa xuất khẩu vừa nội địa để giảm rủi ro khi thị trường biến động đảm bảo năng lực sản xuất toàn Công ty.
- Tăng năng lực sản xuất: từ 45 lines tăng lên 48 lines (3 lines mới sẽ sinh lời những năm sau)
- Tăng năng lực phát triển mẫu 20% và năng lực Quản lý kỹ thuật chất lượng
- Tiếp tục đầu tư thiết bị tự động, thiết bị chuyên dung; xây dựng thêm nhà kho cho Công ty TNHH May Tân Mỹ
- Xác định chiến lược kinh doanh để tăng tốc cho những năm tới.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

Trong tình hình khó khăn chung của năm 2012, Công ty đã xuất sắc hoàn thành vượt kế hoạch mọi chỉ tiêu.

Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng cấp dịch vụ tăng 21.74% - gần 4 lần mức tăng trưởng GDP 2012 (5.03%), Lợi nhuận tăng 17.05% so với cùng kỳ.

Năm 2012 chứng kiến sự suy giảm nghiêm trọng của các doanh nghiệp niêm yết. Nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng niêm yết lỗ, hủy niêm yết vả thậm chí có nguy cơ rời sàn do làm ăn thua lỗ trong nhiều năm liền. Từ đó cho thấy. kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là vô cùng đáng trân trọng khi xét trên tổng quan toàn ngành.

Trong năm, để cân đối nguồn vốn, phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu rủi ro tín dụng, Công ty đã phát hành thành công thêm 1,763,860 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 106,324 tỷ đồng. Điều này cho thấy. trong bối cảnh khó khăn, GMC vẫn chiếm được sự tin tưởng của các nhà đầu tư.

Hệ thống quản lý hoạt động rất hiệu quả; từ khâu phát triển mẫu đến điều hành sản xuất. giao nhận. chứng từ… đều hoạt động chuyên nghiệp. Ngoài ra, Công ty

luôn quan tâm đến vấn đề tuân thủ trách nhiệm xã hội – một nhân tố góp phần củng cố vị thế và quyết định sự phát triển bền vững của Công ty.

Thị trường Châu Âu chịu ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng nợ công, gây sụt giảm 50%. Công ty đã nhanh chóng có biện pháp tiến hành tái cơ cấu thị trường xuất khẩu nhằm đối đầu và giải quyết khó khăn; thêm vào đó là sự ưu tiên hỗ trợ của các khách hàng truyền thống ở thị trường Mỹ và Nhật Bản đã giúp Doanh thu Công ty tăng 21.74% so với cùng kỳ.

Một điểm ưu thế của GMC so với các doanh nghiệp khác là việc hạn mức tín dụng của GMC luôn cao hơn nhu cầu dù chỉ tín chấp, lãi suất và chi phí dịch vụ luôn được hưởng ở mức ưu đãi từ 4 – 4.5% /năm (USD).

Tổng quan kết quả Sản xuất Kinh doanh 2012

Doanh thu: tăng **22.33%** so với cùng kỳ

Lợi nhuận trước thuế: tăng **17.05%** so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế: tăng **20.37%** so với năm 2011

Tổng tài sản: **466 tỷ** đồng. tăng **17.51%** so với năm 2011

Cổ tức: đã chia 20% năm 2012 và bổ sung 5% cổ tức 2011 (đạt 25% năm 2011)

ROA: **12.01%**

ROE: **30.51%**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Năm 2012 là một năm đầy thách thức cho toàn ngành dệt may nói chung cũng như Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn. Vì thế, việc đạt được kết quả sản xuất kinh doanh mỹ mãn là kết quả của sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, trong đó vai trò của Ban Giám đốc là vô cùng to lớn trong việc linh hoạt điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình thị trường thực tế, xây dựng, hoạch định chiến lược phù hợp và hiệu quả.

Ngoài ra, trong năm 2012, Ban Giám đốc đã hoàn thành công tác tổng kết năm tài chính 2011, tổ chức Đại hội cổ đông cũng như tiến hành đợt phát hành, chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các kế hoạch của Hội đồng quản trị

Đánh giá tình hình kinh tế

Năm 2012, tình hình kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam diễn biến khá phức tạp. Bên cạnh những tín hiệu thuận lợi còn tồn tại rất nhiều khó khăn và thách thức. Tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn rất cao ở một số nước (thế giới 6.2%. Châu Á 5.1%...), tốc độ tăng trưởng kinh tế các nước vẫn chưa đạt mong đợi, thêm vào đó là những biến động về tình hình chính trị cũng ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế. Là một công ty mà tổng doanh thu chiếm đến 85% từ hoạt động xuất khẩu, Garmex Saigon gặp khá nhiều rủi ro do thị trường xuất nhập khẩu diễn biến phức tạp, khó lường.

Dự đoán tình hình kinh tế 2013 tuy có bước hồi phục nhưng kết quả cũng không mấy khả quan, Mỹ và thị trường Châu Âu tuy đã trải qua giai đoạn khó khăn, tuy nhiên tình hình vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Thêm vào đó, mục tiêu tăng trưởng ngành dệt may trong năm 2013 chỉ đặt ở mức 10 – 15% phản ánh vọng các công ty ngành dệt may là không mấy khả quan.

Hội đồng quản trị cũng như Ban Lãnh đạo công ty luôn có biện pháp theo dõi chặt chẽ, sát sao để đưa ra được những biện pháp, chiến lược phù hợp với tình hình chung, đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bền vững của công ty.

Nâng cao giá trị gia tăng FOB. Doanh thu và lợi nhuận trong thời gian vừa qua tăng một phần lớn là nhờ FOB; vì thế công ty có kế hoạch chủ động chào mời dịch vụ sản xuất hàng FOB cho các doanh nghiệp trong ngành, tư vấn thực hiện phương thức FOB, phát triển mẫu, may mẫu và cung ứng nguyên vật liệu…

Tăng cường công tác xúc tiến nhằm củng cố vị thế, "đồng hành hội nhập" cùng khách hàng truyền thống, gợi mở sử dụng nguồn nguyên phụ liệu nội địa để thẩm định giá cả, chất lượng sản xuất; phát triển khách hàng/ thị trường mới trong điều kiện mới, tạo cơ sở cho việc lựa chọn khách hàng dài hạn. Tập trung chỉ đạo Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh ổn định và phát huy chi nhánh giao dịch trực tiếp tại thị trường Mỹ để thử nghiệm đổi mới phương thức kinh doanh FOB "Mua tận gốc, bán tận ngọn", trọng tâm là Hội chợ Mùa thu tại Las Vegas, từng bước chuyển từ OEM sang giai đoạn ODM.

Đơn hàng sản xuất hiện nay tương đối ổn định nhưng cơ cấu thị trường / khách hàng vẫn còn ẩn chứa nhiều rủi ro. Chiến lược phát triển của công ty là xúc tiến phát triển năng lực sản xuất, đặc biệt là mở rộng sản xuất và nâng cao năng suất ở Tân Mỹ, kết nối chặt chẽ giữa phát triển năng lực sản suất và mở rộng nguồn khách hàng để điều chỉnh cơ cấu thị trường.

Tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở chú trọng vào các nền tảng lợi thế của công ty về nguồn lực (nhân lực, hệ thống quản lý, ngoại tệ…) và kinh nghiệm (FOB, quản trị công ty đại chúng…). Tập trung nâng cao năng lực sản xuất trên cả hai phương diện Đầu tư chiều sâu và Đầu tư mở rộng sản xuất; chăm sóc, tạo môi trường làm việc thân thiện gắn bó cho người lao động, bên cạnh việc giáo dục, đào tạo nâng cao tay nghề, kỹ năng, thao tác để ổn định và nâng cao thu nhập. Củng cố và phát triển nguồn nhân lực công ty để sẵn sàng vượt qua thách thức, phấn đấu giữ vững danh hiệu một trong những doanh nghiệp may mặc hàng đầu Việt Nam.

Phát triển nhà thầu phụ giúp nâng cao năng lực sản xuất và tận nguồn vốn đầu tư giá rẻ. Vì thế, công ty luôn coi trong việc phát triển nhà thầu phụ trên nguyên tắc "Dài hạn, thể hiện trách nhiệm hợp tác rõ ràng và trung thực".

5

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGĐ VÀ BKS

Thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Quang Hùng

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ân

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Thanh Thị Huệ

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Hoàng Giang

Bà Đỗ Thị Kim Nhàn

Ông Lâm Tử Thanh

Sơ yếu lý lịch và Quá trình công tác của Hội đồng quản trị

Ông Lê Quang Hùng – Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Ngày tháng năm sinh:	09/02/1957
Nơi sinh:	Sài Gòn
CMND số:	020151953, cấp ngày 11/11/2011, tại CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	7A Đường Bàu Cát 2, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	(08) 39844822
Trình độ chuyên môn:	Đại học Kinh tế Công nghiệp

Quá trình công tác:

- 1990 - 1995 Giám đốc Xí nghiệp Len Sài Gòn
- 1995 - 2003 Giám đốc Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu May Sài Gòn
- 2004 – 4/2009 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất - TM May Sài Gòn Nhiệm kỳ 1 kiêm đại diện vốn nhà nước tại Công ty.
- 4/2009 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất – TM May Sài Gòn nhiệm kỳ 2.

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Phú Mỹ, Vũng Tàu; Thành viên HĐQT Cty cổ phần Sagoda, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh.

Ông Nguyễn Ân - Phó Chủ Tịch HĐQT

(Đã trình bày ở phần Ban điều hành)

Bà Đỗ Thị Kim Nhàn – Thành viên thường trực HĐQT

(Đã trình bày ở phần Ban điều hành)

Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên Hội đồng quản trị

(Đã trình bày ở phần Ban điều hành)

Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên thường trực Hội đồng quản trị

(Đã trình bày ở phần Ban điều hành)

Bà Thanh Thị Huệ – Thành viên độc lập

Ngày tháng năm sinh:	24/01/1958
Nơi sinh:	TP. HCM
CMND số:	020722318, cấp ngày 13/04/2009, tại CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	77/27 A1 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	(08) 39144957
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

• 3/1991 - 7/1992	Trưởng Phòng Kế toán Tài vụ Công ty Dệt May Gia Định (Xí nghiệp Dệt số 3 đổi tên thành Công ty Dệt May Gia Định).
• 8/1992 - 2/1996	Kế toán trưởng Công ty Dệt May Gia Định.
• 3/1996 - 6/1997	Kế toán trưởng Công ty Dệt May Gia Định, Ủy viên Thanh tra Công ty Liên doanh Dệt Sài Gòn - Joubo.
• 7/1997 - 3/2006	Phó Giám đốc Công ty Dệt May Gia Định, Ủy viên Thanh tra Công ty Liên doanh Dệt Sài Gòn - Joubo.
• 3/2006 - 4/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Gia Định, Ủy viên Thanh tra Công ty Liên doanh Dệt Sài Gòn - Joubo.
• 5/2009 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Gia Định, Ủy viên Thanh tra Công ty Liên doanh Dệt Sài Gòn – Joubo; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SX - TM May Sài Gòn, nhiệm kỳ 2.

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SX - TM May Sài Gòn

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dệt Sài Gòn, Thành viên HĐQT Công ty Dệt Sài Gòn – Joubo TNHH.

Ông Lâm Tử Thanh – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh:	31/05/1958
Nơi sinh:	Sài Gòn
CMND số:	021841229, cấp ngày 19/07/1996, tại CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Hoa
Địa chỉ thường trú:	186 Thái Phiên, Phường 8, Quận 11, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	(08) 39316971
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (Tài chính – Ngân hàng)

Quá trình công tác:

- 1992 – đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Á Châu.
- 1995 – đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Tân Á.
- 5/2009 đến nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn, nhiệm kỳ 2.

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Á Châu; Giám đốc Công ty TNHH Tân Á; Phó chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Phú Mỹ, Vũng Tàu.

Hoạt động của Hội đồng quản trị / các nghị quyết trong năm

a/ Các cuộc họp của HĐQT trong năm

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị tổ chức 6 cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	06/06	100%
2	Nguyễn Ân	Phó chủ tịch HĐQT	06/06	100%
3	Đỗ Thị Kim Nhàn	Thành viên HĐQT	06/06	100%
4	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	06/06	100%
5	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	06/06	100%
6	Thanh Thị Huệ	Thành viên HĐQT	06/06	100%
7	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	06/06	100%

b/ Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2011 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012; Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2011 đúng quy định và Điều lệ Công ty ngày 07/04/2012

Giám sát tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng và năm 2012 với các nội dung chính như sau:

- Kiểm tra. giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 theo định kỳ quý/ lần;
- Tiến hành thủ tục thành lập Công ty TNHH hai thành viên may Sài Gòn Xanh. vốn điều lệ 86 tỷ đồng. Công ty Cổ phần SX - TM May Sài Gòn góp 51% và Công ty TNHH Thời trang xanh cơ bản góp 49% vốn điều lệ;
- Giám sát việc thực hiện đăng ký bổ sung chức năng ngành nghề kinh doanh được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 5 năm 2012;
- Giám sát việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và báo cáo cơ quan chức năng.

Chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tang vốn điều lệ tạo nguồn góp vốn hợp tác đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất.

c/ Nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm

Số	Ngày	Nghị quyết
02/NQ-HĐQT	2/2/2012	Nghị quyết của HĐQT về chia cổ tức đợt 2 năm 2011 cho cổ đông hiện hữu: 10% bằng tiền theo mệnh giá 10.000 đồng/CP. Ngày đăng ký cuối cùng 22/02/2012; ngày thanh toán cổ tức 21/03/2012.
08/QĐ-HĐQT	28/05/2012	Nghị quyết cử cán bộ tham gia HĐTV Công ty TNHH hai thành viên may Sài Gòn Xanh.
09/NQ-HĐQT	4/6/2012	Nghị quyết của HĐQT về: 1. Chia cổ tức đợt 3 năm 2011 cho cổ đông hiện hữu: 5% bang tiền theo mệnh giá 10,000 đồng/CP 2. Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 cho cổ đông hiện hữu; 10% bằng tiền mặt theo mệnh giá 10,000 đồng/CP. Ngày đăng ký cuối cùng 10/06/2012; ngày thanh toán cổ tức 06/07/2012. 3. Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành cổ phiếu lấy vốn hợp tác đầu tư phát triển sản xuất.

12A/NQ-HĐQT	20/7/2012	Nghị quyết của HĐQT về xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản: 1. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ: - Vốn điều lệ hiện tại: 88,685,710,000 đồng; - Tổng cố cổ phiếu đang lưu hành 8.819.311 cổ phiếu; - Số lượng cổ phiếu chào bán: 1.763.862 cổ phiếu; - Loại chứng khoán chào bán: cổ phiếu phổ thông; - Mệnh giá: 10.000 đồng/CP - Giá chào bán: 12.000 đồng/CP - Tổng giá trị cổ phiếu chào bán bằng mệnh giá: 17.638.620.000 đồng; - Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách hưởng quyền mua cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền; - Tỷ lệ phát hành cổ phiếu: 10:02 2. Thông qua phương án tiền thu được từ đợt chào bán là 21.166.344.000 đồng. sẽ dùng trong việc hoàn trả và bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. 3. Thông qua việc niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM: 1.763.862 cổ phiếu
20/NQ-HĐQT	13/12/2012	Nghị quyết của HĐQT về việc chia cổ tức đợt 2 năm 2012 cho cổ đông hiện hữu: 10% bằng tiền theo mệnh giá 10.000 đồng/CP.

Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu ban Đầu tư – Tài chính đàm phán với Bệnh viện Đại học Y Dược TP. HCM gia hạn thời gian hợp tác thêm 2 năm (2013 - 2014) với mặt bằng 213 Hồng Bàng, P11, Quận 5, TP. HCM và trình UBND TP phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Chín – Trưởng ban

Ngày tháng năm sinh:	08/03/1970
Nơi sinh:	Tiền Giang
CMND số:	023422966, cấp ngày 01/07/2009, tại CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	359/1/25 Lê văn Sỹ, Phường 13, Quận 3, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	(08) 38439146
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1992 – đến nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Á Châu.
- 5/2009 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Nhựa Nam Á.

Bà Liêu Sanh Thu Cúc – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh:	04/04/1960
Nơi sinh:	Xã Hạnh Thông, Gò Vấp, Gia Định
CMND số:	020232535, cấp ngày 11/01/2011, tại CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	4C Trần văn Kỷ, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	(08) 38214302
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 7/1976 - 1987: Công nhân XN Dệt thảm len xuất khẩu - thuộc Sở Công nghiệp.
- 1987 - 7/1998: Bí thư Đoàn Thanh niên chuyên trách Công ty Da giày xuất khẩu Sài Gòn.
- 8/1998 - 6/2008: Cán bộ Công đoàn chuyên trách Công ty SX-XNK May Sài Gòn. Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn. Tháng 01/2004 đến tháng 3/2009. kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn. nhiệm kỳ 1.
- 4/2009 - đến nay Thành viên Ban Kiểm sóat Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn nhiệm kỳ 2. Chủ Tịch Công đòan Công ty Dệt May Gia Định.

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công đoàn Công ty Dệt May Gia Định.

Bà Nguyễn Thị Hồng Liên – Ủy viên

Ngày tháng năm sinh:	03/12/1977
Nơi sinh:	Tp.HCM
CMND số:	023010620, cấp ngày 22/12/2008, tại CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	700 Phan Văn Trị, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Số ĐT liên lạc:	(08) 39844822
Trình độ chuyên môn:	Đại học Anh Ngữ

Quá trình công tác:

- 2002 - 4/2005 : Nhân viên Phòng Tổ chức hành chánh XN May An Nhơn
- 4/2005 - 12/2007: Trưởng Phòng Tổ chức hành chánh XN May An Nhơn
- 1/2008 - 5/2010: Phó Phòng Tổ chức Hành chánh
- 6/2010 - đến nay: Phó Phòng Tổ chức Hành chánh Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SX - TM May Sài Gòn nhiệm kỳ 2

Các chức vụ hiện nay tại GMC: Chủ tịch Công Đoàn Công ty, Phó Phòng Tổ chức Hành chánh Công ty, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn.
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2012, ban kiểm soát đã thực hiện một số hoạt động chủ yếu sau đây:

- Ban kiểm soát họp phân công các thành viên trong Ban thực hiện kiểm tra, kiểm soát các Báo cáo tài chính
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ Điều lệ, quy định hiện hành trong điều hành doạt động kinh doanh và ban hành văn bản quản lý của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị, cùng phối hợp trao đổi và thảo luận.

Nhận xét và đánh giá của ban kiểm soát

- Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty khi có yêu cầu.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành được phối hợp chặt chẽ với các hoạt động của Ban kiểm soát trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị Công ty; tạo mọi điều kện thuận lợi cho nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương. thưởng

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, mức thù lao trích từ lợi nhuận sau thuế là 2%. Mức thưởng Hội đồng quản trị là 4% lợi nhuận sau thuế nếu hoàn thành kế hoạch và 10% cho phần vượt kế hoạch. Căn cứ vào kết quả kinh doanh chưa kiểm toán, Hội đồng quản trị đã tạm trích như sau:

a. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 879 triệu đồng, bình quân 73,250,000 đồng/tháng
b. Quỹ thưởng và phân bố của Hội đồng quản trị: tổng quỹ thưởng tạm trích từ hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận là 2.32 tỷ, bao gồm hoàn thành kế hoạch 1.92 tỷ và vượt kế hoạch 400 triệu.

   Hội đồng quản trị đã trích thưởng 320 triệu cho Tổng giám đốc Công ty do điều hành hiệu quả, thực hiện tốt nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trích thưởng cho cán bộ chủ chốt Công ty 1.4 tỷ và thưởng các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 600 triệu.

Giao dịch

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Cổ phiếu đầu kỳ		Cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	150,662	1.70%	206,728	2.30%	Mua đầu tư
2	Lâm Quang Thái	Cổ đông lớn	715,610	8.07%	1,046,780	11.80%	Mua đầu tư

Giao dịch khác

Không có

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn luôn xem trọng mối liên hệ giữa doanh nghiệp với cổ đông và nhà đầu tư. Với mục tiêu cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác, giúp Quý cổ đông và nhà đầu tư nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của GMC, doanh nghiệp đã triển khai mục "Quan hệ cổ đông" trên website chính thức của Công ty.

http://www.garmexsaigon-gmc.com/stockinformation-vn.aspx

Cổng thông tin trực tuyến là nơi Công ty công bố đầy đủ các thông tin theo quy định, các sự kiện, tin tức cũng như các thông tin liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính… góp phần trợ giúp Quý cổ đông và nhà đầu tư khi quyết định đầu tư vào Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0205/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty cổ phần sản xuất - thương mại May Sài Gòn (Công ty mẹ), Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh và Công ty TNHH may Tân Mỹ (các Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2013, từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất - thương mại May Sài Gòn. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại May Sài Gòn cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi,Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**339.006.660.784**	**288.651.333.390**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**30.672.923.993**	**17.021.747.606**
1. Tiền	111		30.672.923.993	17.021.747.606
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**129.080.518.130**	**110.676.488.732**
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	102.663.680.273	88.812.692.622
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	19.203.514.133	14.745.610.319
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	7.213.323.724	7.118.185.791
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**172.215.075.205**	**156.038.663.680**
1. Hàng tồn kho	141	V.5	172.215.075.205	156.038.663.680
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**7.038.143.456**	**4.914.433.372**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67.396.372	10.628.842
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.369.951.736	4.662.484.023
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	600.795.348	241.320.507

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**126.834.941.515**	**107.783.615.714**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**25.728.361**	**25.728.361**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		25.728.361	25.728.361
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**105.948.009.889**	**86.328.247.650**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	92.802.376.559	74.371.520.486
Nguyên giá	*222*		*191.457.148.131*	*160.950.310.281*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(98.654.771.572)*	*(86.578.789.795)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	*225*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	19.672.778	-
Nguyên giá	*228*		*43.132.783*	*22.302.783*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(23.460.005)*	*(22.302.783)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	13.125.960.552	11.956.727.164
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**17.814.505.000**	**18.699.820.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	4.341.000.000	4.341.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	17.289.920.000	17.289.920.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(3.816.415.000)	(2.931.100.000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.046.698.265**	**2.729.819.703**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	2.790.896.318	2.479.017.756
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	255.801.947	250.801.947
VI. Lợi thế thương mại	**269**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**465.841.602.299**	**396.434.949.104**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**288.778.850.634**	**234.114.748.592**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**288.778.850.634**	**232.351.405.094**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	138.135.013.536	91.738.121.735
2. Phải trả người bán	312	V.16	64.090.220.336	69.915.189.843
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	2.959.922.077	2.922.137.480
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	3.950.730.255	6.893.813.982
5. Phải trả người lao động	315	V.19	72.520.774.567	54.129.874.526
6. Chi phí phải trả	316	V.20	2.635.990.809	5.638.441.689
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	312.924.704	673.647.692
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	4.173.274.350	440.178.147
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	**1.763.343.498**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	-	1.763.343.498
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**177.062.751.665**	**162.320.200.512**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**177.062.751.665**	**162.320.200.512**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	88.685.710.000	88.685.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	5.755.652.370	5.765.652.370
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.24	(863.138.686)	(863.138.686)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.24	-	5.175.481.758
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	32.133.882.771	26.097.866.377
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	7.893.690.896	5.830.294.458
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	43.456.954.314	31.628.334.235
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**465.841.602.299**	**396.434.949.104**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			32.958.153.410
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		11.195.477.182	2.712.572.487
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.074.334,41	730.721,73
Euro (EUR)		3.440,57	3.446,29
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2013

Phạm Thị Hà Phương	Nguyễn Minh Hằng	Nguyễn Ân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.059.093.250.850	865.731.349.724
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	99.293.261	44.622.757
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.058.993.957.589	865.686.726.967
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	890.011.097.253	682.336.252.685
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.982.860.336	183.350.474.282
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.760.598.541	20.388.256.996
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	9.861.602.701	16.605.132.108
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.460.742.414	6.247.570.039
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	17.243.587.633	18.254.211.725
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	102.072.727.428	118.030.669.925
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.565.541.115	50.848.717.520
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	3.948.886.659	1.675.566.166
12.	Chi phí khác	32	VI.8	43.371.399	7.863.528
13.	Lợi nhuận khác	40		3.905.515.260	1.667.702.638
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.471.056.375	52.516.420.158
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	9.700.363.773	9.505.719.475
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.770.692.602	43.010.700.683
18.1.	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số*	*61*		-	-
18.2.	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ*	*62*		*51.770.692.602*	*43.010.700.683*
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	5.870	4.871

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2013

Phạm Thị Hà Phương	Nguyễn Minh Hằng	Nguyễn Ân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***61.471.056.375***	***52.516.420.158***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, V.8	13.258.989.960	10.561.064.395
-	Các khoản dự phòng	03	V.12	885.315.000	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	413.474.704	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(920.964.728)	(1.084.616.681)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.460.742.414	6.247.570.039
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***82.568.613.725***	***68.240.437.911***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.092.276.798)	(18.147.747.022)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.176.411.525)	(64.391.074.590)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(720.129.309)	65.360.477.109
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(368.646.092)	(551.654.422)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4, V.20	(7.588.541.519)	(6.345.191.375)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(11.635.611.318)	(8.252.971.610)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.891.502.661)	(10.666.609.993)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***21.095.494.503***	***25.245.666.008***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7,V.8,V.9,VII	(32.217.720.954)	(22.004.455.427)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	100.272.728	240.600.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(36.050.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	820.692.000	851.880.000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(31.296.756.226)***	***(20.948.025.427)***

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(774.388.686)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	530.259.725.109	402.042.865.751
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(484.365.840.444)	(402.098.043.615)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(22.045.900.000)	(17.684.332.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***23.847.984.665***	***(18.513.898.550)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**13.646.722.942**	**(14.216.257.969)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**17.021.747.606**	**26.304.856.543**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.453.445	4.933.149.032
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**30.672.923.993**	**17.021.747.606**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2013

Phạm Thị Hà Phương	Nguyễn Minh Hằng	Nguyễn Ân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (Công ty mẹ), Báo cáo tài chính của Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH may Tân Mỹ (các Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.

3. **Ngành nghề kinh doanh** : May công nghiệp; kinh doanh dịch vụ giặt tẩy.

4. **Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

5. **Danh sách công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh (*)	332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty TNHH may Tân Mỹ	Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	100%	100%

(*) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính ngày 31/12/2012, Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh chỉ thể hiện phần vốn góp của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại May Sài Gòn, Công ty TNHH MTV Blue Exchange chưa góp vốn tại thời điểm này.

6. **Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tên công ty	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Lý do*
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Phú Mỹ chưa được kiểm toán

7. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 3.496 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 2.964 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng
Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (Công ty mẹ), Báo cáo tài chính của Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh và Công ty TNHH may Tân Mỹ (các Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. **Hợp nhất kinh doanh**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Tập đoàn đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Tập đoàn bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Tập đoàn không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Các khoản chi phí phát sinh để sửa chữa xưởng được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 02 năm đến 07 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $^1/_2$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.
Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2011	: 20.828 VND/USD
		: 27.042 VND/EUR
	31/12/2012	: 20.800 VND/USD
		: 27.301 VND/EUR

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn :

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	291.282.210	931.859.201
Tiền gửi ngân hàng	30.381.641.783	16.089.888.405
Cộng	**30.672.923.993**	**17.021.747.606**

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	***41.283.473.697***	***59.010.050.091***
Công ty TNHH SX TM Việt Thắng Jean	-	873.714.657
Công ty TNHH MTV Blue Exchance	23.607.554.375	33.919.946.069
Công ty TNHH B & O	16.903.653.911	16.818.256.871
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	303.105.000	4.928.498.740
Công ty TNHH Khang Minh	-	2.393.032.245
Các khách hàng khác	469.160.411	76.601.509
Khách hàng nước ngoài	***61.380.206.576***	***29.802.642.531***
Promiles S.N.C	40.988.496.432	9.128.861.579
New Wave Group SA	6.841.331.952	814.377.507
Columbia Sportswear Company	11.405.186.624	17.835.957.831
Asmara International Limited	165.848.176	394.059.511
Niteijin	1.940.925.792	774.642.473
Apparel	-	839.805.788
Các khách hàng khác	38.417.600	14.937.842
Cộng	**102.663.680.273**	**88.812.692.622**

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	***17.155.410.725***	***12.165.612.660***
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	-	9.446.981.534
Công ty TNHH TM&SX Dệt May Minh Đông	12.444.810	1.706.888.626
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Trí Tín	123.500.000	123.500.000
Công ty TNHH GC CK Chế Tạo Máy Kiều Minh	110.000.000	110.000.000
Chi nhánh Công ty cổ phần Bảy Sao Vàng	14.842.217.000	-
Công ty Cổ phần TV ĐT & TKXD CD	-	583.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.067.248.915	195.242.500
Nhà cung cấp nước ngoài	***2.048.103.408***	***2.579.997.659***
ADT	-	93.029.143
Chnewwide	-	416.969.270
Joyoung	-	1.375.928.896
Jiangsu	803.306.816	-
HTT Insprise (Xiamen)IMP &EXP Co.,Ltd	175.657.456	-
Kai Cherng Enterprise Co.,Ltd	-	124.190.074
Zhangjiang weixing	-	282.390.190
Shanghai Dragon	533.966.784	138.434.760
Các nhà cung cấp khác	535.172.352	149.055.326
Cộng	**19.203.514.133**	**14.745.610.319**

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền ứng thuê đất – Công ty cổ phần Phú Mỹ	3.970.052.514	3.670.052.514
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	1.736.906.419	1.555.565.633
Cho Công ty Cổ phần Phú Mỹ mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	-	1.562.831.120
Phải thu khác	1.506.364.791	329.736.524
Cộng	**7.213.323.724**	**7.118.185.791**

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	83.960.625.221	77.262.245.294
Công cụ, dụng cụ	1.161.091.965	1.285.710.864
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.455.101.457	998.454.246
Thành phẩm	79.197.549.366	76.492.253.276
Hàng hóa	6.440.707.196	-
Cộng	**172.215.075.205**	**156.038.663.680**

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	39.620.507	39.620.507
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	298.142.400	-
Tạm ứng	263.032.441	201.700.000
Cộng	**600.795.348**	**241.320.507**

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	72.079.620.837	76.070.671.133	7.964.022.617	4.835.995.694	160.950.310.281
Tăng trong năm	17.192.989.678	11.236.562.970	457.084.227	2.802.051.936	31.688.688.811
Thanh lý trong năm	-	(728.381.591)	(317.000.000)	(41.679.200)	(1.087.060.791)
Giảm khác	(94.790.170)	-	-	-	(94.790.170)
Số cuối năm	**89.177.820.345**	**86.578.852.512**	**8.104.106.844**	**7.596.368.430**	**191.457.148.131**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.214.110.736	30.932.089.880	2.951.549.954	2.808.146.224	51.905.896.794
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	33.716.923.826	44.876.827.886	4.198.388.309	3.786.649.774	86.578.789.795
Khấu hao trong năm	2.400.523.416	9.476.195.171	748.336.968	632.777.183	13.257.832.738
Thanh lý trong năm	-	(728.381.591)	(317.000.000)	(41.679.200)	(1.087.060.791)
Giảm khác	(94.790.170)	-	-	-	(94.790.170)
Số cuối năm	**36.022.657.072**	**53.624.641.466**	**4.629.725.277**	**4.377.747.757**	**98.654.771.572**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	38.362.697.011	31.193.843.247	3.765.634.308	1.049.345.920	74.371.520.486
Số cuối năm	**53.155.163.273**	**32.954.211.046**	**3.474.381.567**	**3.218.620.673**	**92.802.376.559**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

	Cộng
Nguyên giá	
Số đầu năm	22.302.783
Tăng trong năm	20.830.000
Số cuối năm	**43.132.783**
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	22.302.783

	Cộng
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	22.302.783
Khấu hao trong năm	1.157.222
Số cuối năm	**23.460.005**
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	**19.672.778**
Trong đó:	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	-	-	-	10.020.000.000
Chi phí thực hiện dự án Xí nghiệp may Tân Mỹ tại Cụm công nghiệp Hắc Dịch	1.936.727.164	46.740.000	(140.084.164)	-	1.843.383.000
Chi phí sửa chữa xí nghiệp và văn phòng	-	1.470.327.669	-	(207.750.117)	1.262.577.552
Cộng	**11.956.727.164**	**1.517.067.669**	**(140.084.164)**	**207.750.117)**	**13.125.960.552**

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư đủ số vốn điều lệ theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

11. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư cổ phiếu. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần da giày Sagoda	98.155	1.919.150.000	98.155	1.919.150.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	843.950	10.127.400.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	16.275	1.245.320.000	16.275	1.245.320.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	196.855	3.998.050.000	196.855	3.998.050.000
Cộng		**17.289.920.000**		**17.289.920.000**

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	802.640.000	900.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	3.013.775.000	2.031.100.000
Cộng	**3.816.415.000**	**2.931.100.000**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.931.100.000	2.931.100.000
Trích lập dự phòng bổ sung	885.315.000	-
Số cuối năm	**3.816.415.000**	**2.931.100.000**

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	2.054.983.477	2.045.278.199	(2.402.159.112)	1.698.102.564
Chi phí sửa chữa	424.034.279	1.430.068.664	(761.309.189)	1.092.793.754
Cộng	**2.479.017.756**	**3.475.346.863**	**(3.163.468.301)**	**2.790.896.318**

14. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê nhà và ký quỹ điện thoại.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh [a]	70.609.882.720	41.569.838.104
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) [b]	65.408.522.192	20.371.975.315
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) [a]	1.398.867.600	13.462.615.188
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh [a]	717.741.024	16.333.693.128
Cộng	**138.135.013.536**	**91.738.121.735**

[a] Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) và Ngân hàng First Commercial – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.

[b] Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	91.738.121.735	92.548.299.659
Số tiền vay phát sinh trong năm	530.259.725.109	402.042.865.751
Số tiền vay đã trả trong năm	(484.365.840.444)	(402.098.043.615)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	702.632.089	(755.000.060)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(199.624.953)	-
Số cuối năm	**138.135.013.536**	**91.738.121.735**

16. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	***23.223.265.339***	***24.216.188.656***
Avery VN	250.429.489	184.250.580
B & O	134.995.507	1.268.399.987
Công ty cổ phần Bảy Sao Vàng	215.143.000	-
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	487.216.607	-
Công ty TNHH CN Chung Lương VN	5.963.635.649	6.226.013.440
CosmosKnitting International	110.988.201	69.270.059
Jiamei	102.402.814	159.983.306
Công ty TNHH Hai Xí	146.962.200	321.393.600
Huge Bamboo	131.841.453	15.771.967
Công ty liên doanh Coast Phong Phú	1.710.382.610	1.473.037.004
Công ty Formosa VN	37.545.169	1.767.649.250
Công ty TNHH Khang Minh	-	142.097.778
Công ty VN Paiho	1.539.679.065	842.038.831
Công ty Huy Hoàng	-	394.641.940
Premier VN	35.688.302	15.210.606
In Thảo Ly	103.346.372	371.834.184
Cơ sở Vinh Phát	1.553.845.876	144.939.080
Công ty TNHH SX-TM-XD và Bao Bì Giấy Tân Sài Gòn	-	83.366.360
Công ty TNHH Shinih VN	-	31.058.737
Công ty TNHH Việt Phú	-	74.892.452
Quang Thịnh Hưng	-	303.000.000
Công ty TNHH YKK VN	4.619.160.083	6.770.236.309
Các nhà cung cấp khác	6.080.002.942	3.557.103.186
Nhà cung cấp nước ngoài	***40.866.954.997***	***45.699.001.187***
Bemis	10.950.576	1.062.477.936
East Tung Co.,Ltd	304.167.344	1.407.154.885
Huge Rock Textile Co.,Ltd	1.991.875.184	1.891.786.620
Jbo Sporting Goods Co.,Ltd	4.588.601.680	2.728.309.499
PepWing International Coporation	322.592.608	126.367.850
Jefswin Co.,Ltd	-	136.448.810
Keen Ching	43.006.080	436.317.441
Kiyokama	-	375.279.737
SML Labels Logistic Macao Commerical Offshore Ltd	78.643.760	172.433.554
Shanghai Sportin	2.016.449.136	3.535.662.972
TungShing	5.693.272.000	
Siddipsons	-	5.258.651.357
Suntex	-	2.546.940.316
N.I.Teijin	15.254.123.664	22.125.133.474
Three Luster	364.364.000	2.116.435.970
Unitex	2.561.350.272	471.379.296
Các nhà cung cấp khác	7.637.558.693	1.308.221.470
Cộng	**64.090.220.336**	**69.915.189.843**

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Onesource	2.768.891.840	2.611.144.917
Kanho	-	114.554.000
Three Luster	98.611.136	98.139.870
Các khách hàng khác	92.419.101	98.298.693
Cộng	**2.959.922.077**	**2.922.137.480**

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	658.205.446	-	658.205.446
Thuế xuất, nhập khẩu	305.412.726	5.275.973.646	(5.581.386.372)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.129.073.870	9.700.363.773	(11.635.611.318)	2.193.826.325
Thuế thu nhập cá nhân	1.091.297.943	2.779.727.523	(2.843.745.256)	1.027.280.210
Thuế tài nguyên	-	1.872.000	(1.872.000)	-
Tiền thuê đất	321.237.562	969.135.184	(1.290.372.746)	-
Thuế môn bài	-	14.000.000	(14.000.000)	-
Thuế nhà thầu	-	497.119.033	(425.700.759)	71.418.274
Tiền phạt chậm nộp thuế theo Biên bản quyết toán thuế	1.046.791.881	-	(1.046.791.881)	-
Cộng	**6.893.813.982**	**19.896.396.605**	**(22.839.480.332)**	**3.950.730.255**

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm theo Công văn số 1467/CT-TTHT ngày 11 tháng 3 năm 2010 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp sau theo Công văn số 1257/CT-TKN ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Năm tài chính 2004 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

- Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH may Tân Mỹ: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000077 do Uỷ ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% cho 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo..
  Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán hợp nhất trước thuế	61.471.056.375	52.516.420.158
Thu nhập tính thuế		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.759.940.090	52.516.420.158
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	*1.438.746.011*	*558.715.268*
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	*(6.008.691.750)*	*(851.880.000)*
Thu nhập chịu thuế	58.189.994.351	52.223.255.426
Lỗ các năm trước được chuyển ở Công ty con	*(1.583.414.751)*	*(912.914.099)*
Thu nhập tính thuế	56.606.579.600	51.310.341.327
Trong đó:		
- *Thu nhập tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính (thuế suất 15%)*	700.190.583	-
- *Thu nhập tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính (thuế suất 20%)*	46.709.666.109	40.704.796.767
- *Thu nhập tính thuế khác (thuế suất 25%)*	9.196.722.908	10.605.544.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	***11.746.142.536***	***10.792.345.493***
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	***(2.802.579.967)***	***(2.442.287.806)***
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước theo Biên bản quyết toán thuế	***987.919.065***	***1.262.005.087***
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và tăng quỹ đầu tư phát triển theo Biên bản quyết toán thuế	***(231.117.861)***	***(106.343.299)***
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**9.700.363.773**	**9.505.719.475**

Thuế tài nguyên

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sử dụng chung phục vụ sản xuất với mức 2.000 VND/m^3.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với:

- Diện tích 13.765,9 m^2 đất đang sử dụng với mức 33.750 VND/m^2/năm để làm văn phòng và xưởng may tại 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp theo Hợp đồng thuê đất số 1186/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 16 tháng 02 năm 2006 ký với Sở Tài nguyên Môi trường.
- Diện tích 766,8 m^2 đất đang sử dụng với mức 129.600 VND/m^2/năm để làm xưởng may công nghiệp tại 55E Minh Phụng, phường 5, quận 6 theo Hợp đồng thuê đất số 5570/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 16 tháng 8 năm 2005 ký với Sở Tài nguyên Môi trường. Thời hạn thuê đất 05 năm kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2005.
- Diện tích 15.033 m^2 đất đang sử dụng với mức 1.521 VND/m^2/năm để xây dựng nhà xưởng sản xuất tại xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn (cũ) theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 21/TB-TBạ ngày 17 tháng 3 năm 2012 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh - Chi cục thuế Hóc Môn. Thời hạn thuê đất 20 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.
- Diện tích 1.647 m^2 đất đang sử dụng với mức 54.000 VND/m^2/năm để làm văn phòng và xưởng may mặc tại 332 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú theo Hợp đồng thuê đất số 6182/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 01 tháng 8 năm 2008 ký với Sở Tài nguyên Môi trường.
- Diện tích 1.873,6 m^2 đất tại 213 Hồng Bàng, phường 11, quận 5 đang sử dụng với mức 141.000 VND/m^2/năm theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 1386/TB.CCT-TP 11,12,15 ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh – Chi cục thuế quận 5.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương, thưởng	37.420.774.567	26.823.903.711
Các khoản khác	35.100.000.000	27.305.970.815
Cộng	**72.520.774.567**	**54.129.874.526**

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả hàng FOB	14.743.747	3.049.146.638
Chi phí phải trả hàng nội địa	203.812.060	2.048.853.112
Tiền lương phép	2.417.435.002	322.642.834
Chi phí lãi vay	-	127.799.105
Chi phí phải trả khác	-	90.000.000
Cộng	**2.635.990.809**	**5.638.441.689**

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	204.199.108	175.173.760
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	108.725.596	498.473.932
Cộng	**312.924.704**	**673.647.692**

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	440.178.147	434.596.865
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.707.347.800	5.171.608.939
Chi quỹ trong năm	(4.974.251.597)	(5.166.027.657)
Số cuối năm	**4.173.274.350**	**440.178.147**

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.763.343.498	591.279.374
Số trích trong năm	-	1.586.738.940
Kết chuyển vào thu nhập khác trong năm	(1.226.175.028)	-
Số chi trong năm	(537.168.470)	(414.674.816)
Số cuối năm	**-**	**1.763.343.498**

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 42.

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã chi trả cổ tức như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	13.228.966.500	8.865.021.000
Tạm ứng cổ tức	8.816.933.500	8.819.311.000
Cộng	**22.045.900.000**	**17.684.332.000**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.868.571	8.868.571
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.868.571	8.868.571
- *Cổ phiếu phổ thông*	*8.868.571*	*8.868.571*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	49.260	49.260
- *Cổ phiếu phổ thông*	*49.260*	*49.260*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.819.311	8.819.311
- *Cổ phiếu phổ thông*	*8.819.311*	*8.819.311*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	***1.059.093.250.850***	***865.731.349.724***
- Doanh thu bán thành phẩm	1.055.496.606.388	865.455.748.250
+ *Doanh thu xuất khẩu FOB*	*921.814.691.454*	*792.836.219.210*
+ *Doanh thu xuất khẩu CMP*	*11.529.611.832*	*5.236.641.616*
+ *Doanh thu nội địa*	*122.152.303.102*	*67.382.887.424*
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.596.644.462	275.601.474
Các khoản giảm trừ doanh thu (giảm giá hàng bán)	***(99.293.261)***	***(44.622.757)***
Doanh thu thuần	**1.058.993.957.589**	**865.686.726.967**
Trong đó:		-
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.055.400.977.665	865.413.363.421
+ *Doanh thu thuần xuất khẩu FOB*	*921.761.175.157*	*792.793.833.381*
+ *Doanh thu thuần xuất khẩu CMP*	*11.529.611.832*	*5.236.641.616*
+ *Doanh thu thuần nội địa*	*122.110.190.676*	*67.382.888.424*
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.592.979.924	273.364.546

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	890.011.097.253	663.948.650.444
Giá vốn nguyên vật liệu	-	18.387.602.241
Cộng	**890.011.097.253**	**682.336.252.685**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	99.589.141	94.146.865
Lãi thu được từ hoạt động liên kết với Bệnh viện đại học Y Dược	8.755.950.000	8.752.695.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	820.692.000	851.880.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	245.211.043	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.828.850.788	10.660.642.608
Chiết khấu thanh toán	10.305.569	28.892.523
Cộng	**17.760.598.541**	**20.388.256.996**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.460.742.414	6.247.570.039
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	856.859.540	10.052.990.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	658.685.747	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	885.315.000	-
Chiết khấu thanh toán	-	304.571.496
Cộng	**9.861.602.701**	**16.605.132.108**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.503.175.494	7.247.773.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.396.524.873	10.973.465.936
Chi phí khác	343.887.266	32.972.500
Cộng	**17.243.587.633**	**18.254.211.725**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	83.276.765.150	98.861.282.754
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.203.318.381	2.669.719.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.244.717.882	4.426.797.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.038.041.279	3.785.373.269
Chi phí khác	7.309.884.736	8.287.496.366
Cộng	**102.072.727.428**	**118.030.669.925**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	100.272.728	240.600.000
Thu nhập từ các khoản không phải thanh toán do hàng không đạt chất lượng	2.548.476.733	1.434.966.166
Thu nhập do kết chuyển từ quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.226.175.028	-
Thu nhập khác	73.962.170	-
Cộng	**3.948.886.659**	**1.675.566.166**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	7.863.319
Chi phí khác	43.371.399	209
Cộng	**43.371.399**	**7.863.528**

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.770.692.602	43.010.700.683
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.770.692.602	43.010.700.683
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.819.311	8.830.582
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**5.870**	**4.871**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.819.311	8.865.021
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(34.439)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**8.819.311**	**8.830.582**

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	665.756.268.882	539.233.054.899
Chi phí nhân công	290.474.803.960	264.019.254.009
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.258.989.960	10.561.064.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.243.614.151	79.134.371.698
Chi phí khác	12.754.237.904	7.948.549.363
Cộng	**1.014.487.914.857**	**900.896.294.364**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các công nợ phải thu, phải trả liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	8.096.213.080	1.238.711.042
Trả trước cho người bán để đầu tư mua sắm tài sản cố định	16.459.952.327	10.263.481.534

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.491.290.413	3.341.422.506
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	96.007.240	73.286.410
Thù lao, thưởng từ nguồn thù lao và quỹ thưởng của Hội đồng quản trị	666.245.438	933.560.932
Cộng	**4.253.543.091**	**4.348.269.848**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH MTV con đường xanh Quảng Nam	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH B&O	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Giá trị thi công hoàn thành tăng tài sản công trình Tân Mỹ	-	15.980.000
Cho mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	300.000.000	1.562.831.120
Công ty TNHH MTV Blue Exchange		
Bán hàng	89.063.837.182	36.278.628.014
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam		
Phí gia công	108.909.900	-
Bán phụ liệu	3.450.432	-
Bán hàng	930.408.904	4.480.453.400
Công ty TNHH B&O		
Mua nguyên vật liệu, gia công	4.012.011.207	3.578.090.864
Bán hàng	35.558.819.145	17.625.377.679

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Ứng trước tiền thi công công trình nhà lưu trú cho công nhân Tân Mỹ	-	9.446.981.534
Cho mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	1.562.831.120	1.562.831.120
Phải thu lại khoản đã ứng tiền thuê đất tại cụm công nghiệp Hắc Dịch	3.970.052.514	3.670.052.514
Công ty TNHH MTV Blue Exchange		
Tiền hàng phải thu	23.607.554.375	33.919.946.069
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam		
Tiền hàng phải thu	303.105.000	8.701.975.676
Công ty TNHH B&O		
Tiền hàng phải thu	16.903.653.911	16.818.256.871
Cộng nợ phải thu	**46.347.196.920**	**74.120.043.784**
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Tiền chuyển nhượng công trình xây dựng	718.750.000	-
Công ty TNHH B&O		
Tiền nguyên vật liệu phải trả	746.240	1.268.399.987
Cộng nợ phải trả	**719.496.240**	**1.268.399.987**

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh ngành may mặc.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chủ yếu là xuất khẩu.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng
Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng
Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	138.135.013.536	-	-	138.135.013.536
Phải trả người bán	64.090.220.336	-	-	64.090.220.336
Các khoản phải trả khác	2.948.915.513	-	-	2.948.915.513
Cộng	**205.174.149.385**	-	-	**205.174.149.385**
Số đầu năm				
Vay và nợ	91.738.121.735	-	-	91.738.121.735
Phải trả người bán	69.915.189.843	-	-	69.915.189.843
Các khoản phải trả khác	6.312.089.381	-	-	6.312.089.381
Cộng	**167.965.400.959**	-	-	**167.965.400.959**

Rủi ro thị trường
Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ
Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.074.334,41	3.440,57	730.721,73	3.446,29
Phải thu khách hàng	2.950.186,67	-	1.295.314,18	-
Vay và nợ	(6.641.106,42)	-	(4.404.557,41)	-
Phải trả người bán	(1.881.477,19)	-	(2.040.827,42)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	**(4.665.911,66)**	**3.440,57**	**(4.467.982,07)**	**3.446,29**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất
Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau là khoản vay ngắn hạn.

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán
Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá /nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.15). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm	
Phải thu khách hàng và Hàng tồn kho	Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).
Số đầu năm	
Phải thu khách hàng và Hàng tồn kho	Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.672.923.993	-	17.021.747.606	-	30.672.923.993	17.021.747.606
Phải thu khách hàng	102.689.408.634	-	88.838.420.983	-	102.689.408.634	88.838.420.983
Các khoản phải thu khác	8.088.156.604	-	7.368.987.738	-	8.088.156.604	7.368.987.733
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.243.370.000	(3.816.415.000)	5.243.370.000	(2.931.100.000)	1.426.955.000	1.426.955.000
Cộng	**130.897.031.616**	**(3.816.415.000)**	**109.644.383.530**	**(2.931.100.000)**	**126.804.086.308**	**105.551.438.222**

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	138.135.013.536	138.135.013.536	138.135.013.536	138.135.013.536
Phải trả người bán	69.915.189.843	69.915.189.843	69.915.189.843	69.915.189.843
Các khoản phải trả khác	2.948.915.513	6.312.089.381	2.948.915.513	6.312.089.381
Cộng	**210.999.118.892**	**214.362.292.760**	**210.999.118.892**	**214.362.292.760**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại May Sài Gòn đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng số 54/GCN-UBCK ngày 07 tháng 12 năm 2012 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Từ ngày 14 tháng 12 năm 2012 đến ngày 22 tháng 02 năm 2013 Công ty cổ phần sản xuất – thương mại May Sài Gòn đã thực hiện việc chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 88.685.710.000 VND lên 106.324.310.000 VND.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2013

Phạm Thị Hà Phương	Nguyễn Minh Hằng	Nguyễn Ân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	88.685.710.000	5.765.652.370	(88.750.000)	1.412.257.150	20.819.914.139	4.261.628.040	13.464.274.128	134.320.685.827
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(774.388.686)	-	-	-	-	(774.388.686)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	-	(1.412.257.150)	-	-	-	(1.412.257.150)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm	-	-	-	5.175.481.758	-	-	-	5.175.481.758
Điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế từ năm 2006 - 2009	-	-	-	-	106.343.299	-	(570.615.794)	(464.272.495)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	43.010.700.683	43.010.700.683
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(8.819.311.000)	(8.819.311.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	5.171.608.939	1.568.666.418	(11.911.884.296)	(5.171.608.939)
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị và Cán bộ công chức; chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	(3.544.829.486)	(3.544.829.486)
Số dư cuối năm trước	**88.685.710.000**	**5.765.652.370**	**(863.138.686)**	**5.175.481.758**	**26.097.866.377**	**5.830.294.458**	**31.628.334.235**	**162.320.200.512**
Số dư đầu năm nay	88.685.710.000	5.765.652.370	(863.138.686)	5.175.481.758	26.097.866.377	5.830.294.458	31.628.334.235	162.320.200.512
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	-	(5.175.481.758)	-	-	-	(5.175.481.758)
Giảm thặng dư vốn do phát sinh chi phí phát hành	-	(10.000.000)	-	-	-	-	-	(10.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-	-	-	231.117.861	-	(231.117.861)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	51.770.692.602	51.770.692.602
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(22.045.900.000)	(22.045.900.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	5.804.898.533	2.063.396.438	(16.575.642.771)	(8.707.347.800)
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị và Cán bộ công chức; chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	(984.102.032)	(984.102.032)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(105.309.859)	(105.309.859)
Số dư cuối năm nay	**88.685.710.000**	**5.755.652.370**	**(863.138.686)**	**-**	**32.133.882.771**	**7.893.690.896**	**43.456.954.314**	**177.062.751.665**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2013

Phạm Thị Hà Phương
Người lập biểu

Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính 2012 của Công ty mẹ (Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn) được công bố tại mục "Quan hệ cổ đông" trên website chính thức của Công ty (phần Lưu trữ)

http://www.garmexsaigon-gmc.com/stockinformation-vn.aspx

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300742... C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
Q.GÒ VẤP - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ân